

VIỆN KHOA HỌC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC – BỘ NỘI VỤ

# THẺ CHẾ CHÍNH TRỊ MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

*(Tài liệu tham khảo)*

*Nguyễn Thị Quỳnh Giang tổng hợp và biên soạn  
Hà Nội, tháng 8 năm 2011*

## DANH MỤC CÁC NƯỚC VÀ THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ

Stt	Quốc gia	Thể chế chính trị	Trang
1.	Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Xã hội chủ nghĩa	3
2.	Nhật Bản	Quân chủ nghị viện	8
3.	Vương quốc Thái Lan	Quân chủ lập hiến	13
4.	Cộng hòa Ai – len	Cộng hòa nghị viện	18
5.	Vương quốc Na – uy	Quân chủ lập hiến	23
6.	Cộng hòa Pháp	Cộng hòa	25
7.	Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai - len	Quân chủ nghị viện	30
8.	Cộng hòa Liên bang Đức	Cộng hòa Liên bang	36
9.	Liên bang Nga	Cộng hòa Liên bang	42
10.	Niu Di-lân	Quân chủ Nghị viện	48
11.	Liên bang Ôt-xơ-rây-li-a	Quân chủ lập hiến	51

# 1. CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

## 1.1. Thể chế chính trị

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là nước xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo, liên minh công - nông làm cơ sở, chuyên chính dân chủ nhân dân. Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ căn bản của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Chế độ chính trị hiện nay của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được cấu thành từ ba chế độ là Hiến pháp, Đại hội đại biểu nhân dân và chế độ hợp tác đa đảng phái và Hiệp thương chính trị.

### 1.1.1. Hiến pháp

Hiến pháp Trung Quốc hiện nay là bộ Hiến pháp thứ 4 của nước này, được thông qua tại Hội nghị lần thứ 5 Quốc hội khóa 5 diễn ra ngày 4/12/1982. Bộ Hiến pháp này kế thừa và phát triển nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp năm 1954, rút kinh nghiệm phát triển chủ nghĩa xã hội Trung Quốc và thu hút kinh nghiệm quốc tế, là bộ pháp luật căn bản mang đặc sắc Trung Quốc và đáp ứng yêu cầu xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc.

Bộ Hiến pháp này quy định rõ ràng chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quyền và nghĩa vụ của công dân, tổ chức và phạm vi quyền hạn của các cơ quan nhà nước, nhiệm vụ căn bản của nhà nước sau này v v... Đặc điểm căn bản là quy định chế độ căn bản và nhiệm vụ căn bản của Trung Quốc, xác định 4 nguyên tắc cơ bản và phương châm cơ bản của công cuộc cải cách mở cửa. Hiến pháp quy định, nhân dân các dân tộc và mọi tổ chức trong cả nước đều phải lấy Hiến pháp làm chuẩn tắc hoạt động căn bản, bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào cũng không có đặc quyền vượt qua Hiến pháp và các đạo luật khác. Từ khi ban hành đến nay, Hiến pháp Trung Quốc đã được sửa đổi 4 lần.

### 1.1.2. Chế độ Đại hội đại biểu nhân dân

Chế độ đại hội đại biểu nhân dân (Quốc hội) là chế độ chính trị căn bản của Trung Quốc. Đây là hình thức tổ chức chính trị của nền chuyên chính dân chủ nhân dân Trung Quốc, quốc thể của Trung Quốc. Khác với nghị viện dưới thể chế Tam quyền đối lập, Quốc hội là cơ quan quyền lợi nhà nước tối cao được Hiến pháp

Trung Quốc xác lập. Công dân Trung Quốc tròn 18 tuổi, đều có quyền bầu cử và được bầu cử làm đại biểu quốc hội.

Ở Trung Quốc, đại biểu quốc hội cấp xã và huyện được nhân dân trực tiếp bầu ra, đại biểu quốc hội các cấp khác được nhân dân bầu cử gián tiếp, Quốc hội do đại biểu các tỉnh, khu tự trị và quân đội cấu thành. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 5 năm, mỗi năm tổ chức một cuộc họp đại biểu toàn thể. Quốc hội Trung Quốc thực hiện quyền lập pháp, quyền giám sát, quyền quyết định vấn đề trọng đại của đất nước.

### 1.1.3. Chế độ hợp tác đa đảng phái và Hiệp thương chính trị

Chế độ hợp tác đa đảng phái và Hiệp thương chính trị do Đảng cộng sản Trung Quốc lãnh đạo là chế độ chính trị cơ bản của Trung Quốc.

Trung Quốc là một nước có nhiều đảng phái. Ngoài Đảng cộng sản Trung Quốc nắm quyền ra, còn có 8 đảng phái dân chủ. Những đảng phái dân chủ này được thành lập trước khi Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, họ ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đây là sự lựa chọn lịch sử trong quá trình hợp tác lâu dài và cùng nhau phấn đấu với Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Khi nhà nước áp dụng biện pháp to lớn hoặc quyết định những vấn đề quan trọng liên quan tới quốc kế dân sinh, Đảng cộng sản Trung Quốc cần phải trước tiên thương lượng với các đảng phái dân chủ và nhân sĩ dân chủ không đảng phái, lắng nghe ý kiến và kiến nghị rộng rãi. Hình thức hợp tác và hiệp thương chính trị chủ yếu ở Trung Quốc là Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân.

Hội nghị hiệp thương chính trị là nơi quan trọng để các đảng phái, các đoàn thể nhân dân và đại biểu các giới tham chính nghị chính.

## 1.2. **Cơ cấu quyền lực**

Cơ cấu Nhà nước bao gồm Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc Hội), Chủ tịch nước, Quốc Vụ viện, Hội nghị Chính trị Hiệp thương toàn quốc (gọi tắt là Chính Hiệp, tương tự Mặt trận Tổ quốc của Việt Nam), Ủy ban Quân sự Trung ương, Đại hội Đại biểu Nhân dân và Chính phủ các cấp ở địa phương, Tòa án Nhân dân và Viện Kiểm sát Nhân dân.

### 1.2.1. Chủ tịch nước

Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa do Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc bầu ra theo quy định của Điều 62 của Hiến pháp Cộng hòa Nhân dân

Trung Hoa. Theo quy định của pháp luật, Chủ tịch nước phải là một công dân Trung Quốc có tuổi từ 45 trở lên. Chủ tịch không được giữ chức hơn 2 nhiệm kỳ, một nhiệm kỳ 5 năm tương đương với nhiệm kỳ của Đại hội. Chủ tịch ban bố các luật và quy định được Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc và Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc thông qua. Chủ tịch có quyền bổ nhiệm Thủ tướng Quốc vụ viện, các phó thủ tướng, các ủy viên Quốc vụ viện, các đại sứ,... Chủ tịch có quyền ban hành các sắc lệnh, có thể ban bố Tình trạng khẩn cấp, và tuyên bố chiến tranh. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm thiết lập chính sách chung và chỉ đạo thực hiện và giao trách nhiệm thực hiện cho Thủ tướng.

Chủ tịch Quân ủy Trung ương và Hội đồng Quân sự hiện nay là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

### 1.2.2. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

Theo Hiến pháp, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội) là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất do đại biểu các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, khu hành chính đặc biệt và quân đội bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm. Mỗi năm. Đại hội tiến hành họp một lần và được triệu tập bởi Ủy ban Thường vụ.

Theo Điều 62 Hiến pháp, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ: sửa đổi Hiến pháp; giám sát việc chấp hành Hiến pháp; ban hành và sửa các luật cơ bản: Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự, Luật về cơ cấu nhà nước và các vấn đề khác; bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Quyết định lựa chọn Thủ tướng của Quốc vụ viện theo đề nghị của Chủ tịch nước, quyết định lựa chọn các Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ viện, các Bộ trưởng phụ trách các bộ hoặc các Ủy ban và Thẩm kế trưởng, Tổng thư ký của Quốc vụ viện theo đề nghị của Thủ tướng; bầu Chủ tịch Ủy ban quân sự trung ương; theo đề nghị của Chủ tịch ủy ban quân sự trung ương, quyết định lựa chọn tất cả các thành viên khác của Ủy ban quân sự trung ương; bầu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, bầu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thẩm tra, phê chuẩn thành lập các tỉnh, các khu tự trị, các thành phố trực thuộc trung ương, quyết định thành lập các vùng hành chính đặc biệt và các thiết chế thành lập ở đó; quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thành lập 6 Ủy ban chuyên môn: Ủy ban dân tộc, Ủy ban luật pháp, Ủy ban kinh tế - tài chính, Ủy ban văn hóa, khoa học, giáo dục, Ủy ban đối ngoại, Ủy ban Hoa Kiều

### 1.2.3. Quốc vụ viện

Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tức Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa nhân Trung Hoa, là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Quốc vụ viện do Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ, Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm các ủy ban, Tổng Kiểm toán, Tổng Thư ký Quốc vụ viện tạo thành. Cơ quan này thực hiện và cụ thể hóa các pháp luật, quyết định của Quốc hội Trung Quốc (Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, gọi tắt là Nhân đại toàn quốc). Quốc vụ viện điều hành đất nước thông qua các bộ và các cơ cấu trực thuộc. Phạm vi bao quát của Quốc vụ viện là vô cùng rộng lớn và đa dạng từ các hoạt động thực thi pháp luật, quản lý kinh tế, phát triển giáo dục, khoa học, y tế, thể thao cho đến an ninh xã hội, ngoại giao, v.v...[1] Một điểm đặc biệt là Quốc vụ viện không quản lý hoạt động của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Quân đội Trung Quốc đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Quân sự Trung ương Nhà nước – cơ quan do Quốc hội bầu ra.

Cơ cấu tổ chức của Quốc vụ viện gồm Thủ tướng, Phó thủ tướng, Ủy viên quốc vụ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm các ủy ban, tổng trưởng kiểm toán và Tổng thư ký. Đứng đầu Quốc vụ viện là Thủ tướng, nhưng Chủ tịch nước mới là nguyên thủ quốc gia. Hiện nay, Quốc vụ viện Trung Quốc gồm 28 bộ và ủy ban.

### 1.2.4. Hệ thống tư pháp

Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao. Lãnh đạo các cơ quan trên đều do Quốc hội Trung Quốc bầu và chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc.

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử nhà nước. Nhà nước thiết lập toà án nhân dân tối cao, các tỉnh, khu tự trị, và thành phố trực thuộc thiết lập toà án cấp cao, dưới có tòa án nhân dân trung cấp và toà án nhân dân cơ sở. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử tối cao của nhà nước, thi hành độc lập quyền xét xử đồng thời cũng là cơ quan giám sát tối cao đối với công tác xét xử của toà án nhân dân các cấp và toà án nhân dân chuyên môn.

Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan giám sát pháp luật của nhà nước. Viện kiểm sát nhân dân thông qua thi hành quyền kiểm sát hoàn thành nhiệm vụ của mình. Viện kiểm sát thi hành quyền kiểm sát đối với vụ án phản bội Tổ quốc, chia rẽ đất nước và những vụ án tội phạm to lớn khác; xét duyệt vụ án do cơ quan công

an trình sát, quyết định việc có bắt giữ, khởi tố hoặc miễn khởi tố hay không; khởi tố và ủng hộ khởi tố vụ án hình sự; giám sát các hoạt động của cơ quan công an, tòa án nhân dân, nhà tù, trại giam, cơ quan cải tạo lao động có hợp pháp hay không.

### **1.3. Các đảng phái chính trị**

Đảng cầm quyền: Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập ngày 1-7-1921, hiện có 70,8 triệu Đảng viên. Bộ Chính trị có 25 người, trong đó có 9 Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng có 8 người.

Ngoài Đảng Cộng sản Trung Quốc, còn có 8 Đảng phái khác, đều thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong khuôn khổ "hợp tác đa Đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản". Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng phái dân chủ lấy hoạt động theo Hiến pháp. Các đảng phái dân chủ ở Trung Quốc không phải là đảng đối lập, mà là các đảng phái tham chính. Nội dung cơ bản tham chính của các đảng phái dân chủ là tham gia thảo luận phương châm chính sách nhà nước và việc bầu cử nhà lãnh đạo quốc gia, tham gia quản lý công việc nhà nước, tham gia quy định và thực thi phương châm, chính sách, pháp luật pháp quy nhà nước.

Danh sách các đảng bao gồm: Hội Cách mạng dân chủ, Liên minh dân chủ, Hội Kiến quốc dân chủ, Hội Xúc tiến dân chủ, Đảng Dân chủ nông công, Đảng Chí công, Cứu tam học xã và Đồng minh tự trị dân chủ Đài Loan.

### **1.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Toàn Trung Quốc có tất cả 34 đơn vị hành chính. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa kiểm soát hơn 22 tỉnh; chính quyền Trung Quốc xem Đài Loan như là tỉnh thứ 23 của họ. Cùng với các tỉnh này CHNDTH cũng quản lý 5 khu tự trị tập trung các sắc dân thiểu số, 4 thành phố trực thuộc trung ương là những thành phố lớn nhất của Trung Quốc và hai đặc khu hành chính (Ma Cao và Hồng Kông). Toàn bộ 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố lớn nhất thường được gọi chung như Đại lục Trung Quốc, thuật ngữ này thường không tính Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan.

Khu tự trị là đơn vị hành chính cấp tỉnh được chỉ định cho một dân tộc thiểu số và được đảm bảo nhiều quyền hơn theo hiến pháp. Ví dụ, họ có người đứng đầu (tỉnh trưởng hay khu trưởng) phải là người dân tộc thiểu số đã được chỉ định cho khu như (Tạng, Duy ngô nhĩ, v.v...).

Đặc khu hành chính là các đơn vị hành chính có quyền tự trị cao theo thể chế Một quốc gia hai chế độ, chịu sự quản lý trực tiếp của Chính quyền Nhân dân

Trung ương như nêu trong Điều 12 của Bộ luật cơ bản của cả hai đặc khu hành chính.

## **2. NHẬT BẢN**

### **2.1. Thể chế chính trị**

Nhật Bản là một trong các nước theo hệ thống quân chủ lập hiến, trong đó Thủ tướng là người nắm quyền cao nhất về các phương diện quản lý quốc gia và chịu sự giám sát của hai viện quốc hội cùng tòa Hiến pháp có thẩm quyền ngăn chặn các quyết định vi hiến của chính phủ. Được xây dựng dựa trên hình mẫu của Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland và một số nước phương Tây khác sau này. Theo hệ thống pháp luật thế giới hiện hành, Nhật Bản được xếp vào các nước có nền dân chủ đầy đủ (ưu việt nhất).

Hiến pháp của nước Nhật Bản, được công bố vào ngày 3 tháng 11 năm 1946 và có hiệu lực kể từ ngày 3 tháng 5 năm 1947, quy định rằng nhân dân Nhật Bản thể nguyện trung thành với các lý tưởng hòa bình và trật tự dân chủ.

Dù vậy vào ngày 3 tháng 5 năm 2007, Nghị viện đã thông qua một văn bản dưới luật theo đó cho phép chính phủ tổ chức trưng cầu dân ý cho một bản sửa đổi mới vào năm 2010 và sẽ cần hai phần ba số phiếu thuận của Nghị viện để có hiệu lực.

Theo Hiến pháp năm 1947, Nhật Bản theo thể chế quân chủ lập hiến kiểu Anh, trong đó nhà Vua là nguyên thủ tượng trưng về mặt đối ngoại, Nhà nước được tổ chức theo chế độ tam quyền phân lập và Chính phủ hiện nay là chính phủ liên hiệp giữa Đảng Dân chủ (DPJ) và Tân đảng quốc dân (PNP)

### **2.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước**

#### **2.2.1. Nhật hoàng**

Nhật hoàng tiêu biểu cho quốc gia và sự thống nhất của dân tộc, đảm đương nhiệm vụ đại diện quốc gia được dự trù trong Hiến pháp. Mọi hành vi của Nhật hoàng phải tham khảo ý kiến và chấp thuận của Nội các. Nhật hoàng bổ nhiệm Thủ tướng do Quốc hội tuyển lựa, công bố tu chính án Hiến pháp, các đạo luật, sắc lệnh do Nội các soạn thảo và các hiệp ước. Nhật hoàng triệu tập Quốc hội, giải tán Nghị viện (theo đề nghị của Thủ tướng); có quyền ân xá, xác nhận việc Quốc hội chuẩn y hiệp định quốc tế, đại diện quốc gia trong các nghi lễ...



### 2.2.2. Quốc hội

Theo Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao và là cơ quan lập pháp duy nhất. Quốc hội gồm có Hạ viện và Nghị viện. Quốc hội Nhật Bản là cơ quan lập pháp cao cấp nhất, gồm có Hạ viện với 512 ghế và Thượng viện với 252 ghế. Các công dân Nhật Bản trên 25 tuổi đều có quyền ứng cử Dân biểu và trên 30 tuổi có thể tranh cử ghế Thượng viện. Quyền được thực hiện phổ thông đầu phiếu thuộc về mỗi người dân nam nữ trên 20 tuổi.

- Hạ viện

Hạ viện (Viện đại biểu) được bầu trực tiếp bằng phổ thông đầu phiếu từ 130 đơn vị bầu cử với số nghị viên từ 2 tới 6 vị tùy theo dân số theo nhiệm kỳ 4 năm. Hạ viện có quyền bỏ phiếu tín nhiệm hay bất tín nhiệm Nội các, đây là một quyền lực chính trị quan trọng nhất của nền chính trị đại nghị. Khi Hạ viện bỏ phiếu bất tín nhiệm thì toàn bộ Nội các phải từ chức (trừ phi Hạ viện bị giải tán trong vòng 10 ngày).

- Thượng viện

Nhiệm kỳ của Thượng viện là 6 năm, mỗi 3 năm được bầu lại một nửa. 100 Thượng nghị sĩ được bầu theo sự đại diện tỉ tức là do các cử tri toàn quốc, số còn lại 152 ghế được bầu từ 47 đơn vị bầu cử tỉnh.

Về nguyên tắc, quyết định của Quốc hội được thông qua trên cơ sở nghị quyết của hai viện nhất trí với nhau. Trong trường hợp dự luật được thông qua tại Hạ viện mà bị Thượng viện phủ quyết thì Hạ viện phải thông qua lại và nếu đạt được 2/3 số phiếu thuận trong số các Nghị sĩ có mặt thì dự luật có hiệu lực. Về việc thông qua ngân sách, các hiệp ước khi hai viện không nhất trí với nhau thì nghị quyết của Hạ viện được coi là nghị quyết của Quốc hội.

Như vậy, Hạ viện có quyền hạn lớn hơn Thượng viện. Tuy nhiên thời gian gần đây, do không đảng nào nắm được đa số ở Hạ viện nên kết quả bầu cử Thượng viện được các đảng chú ý hơn trước. Vai trò của Thượng viện cũng được nâng cao hơn.

### 2.2.3. Nội các

Nội các là cơ quan nắm quyền hành pháp. Nội các được thiết lập trên cơ sở bầu chọn của hai viện Quốc hội, tuy nhiên quyền quyết định thuộc về Hạ viện. Sau đó, Quốc hội đệ trình ứng cử viên Thủ tướng để Nhật hoàng bổ nhiệm.

Thực tế, Thủ tướng thường là lãnh tụ của Đảng hay liên minh đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện. Thủ tướng có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Nội các và Nhật hoàng xác nhận việc bổ nhiệm và bãi nhiệm đó. Theo quy định của Hiến pháp, các thành viên Nội các phải là viên chức dân sự. Thông qua Nhật hoàng, Thủ tướng bổ nhiệm Chánh án và chỉ định các Thẩm phán Tòa án tối cao. Thủ tướng điều hành các phiên họp của Nội các, liên hệ với Quốc hội về cách thức tiến hành các hoạt động chính trị. Thủ tướng nhân danh Nội các đệ trình lên Quốc hội các dự thảo luật, báo cáo công việc, thực hiện giám sát toàn bộ công việc của Chính phủ; ban hành các quy tắc thực thi Hiến pháp; soạn thảo dự thảo ngân sách hàng năm; giải tán Hạ viện và yêu cầu bầu cử mới khi thấy cần thiết. Bộ trưởng đương nhiệm không thể bị truy tố nếu không được phép của Thủ tướng. Thủ tướng chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Nội các. Toàn thể Nội các phải từ chức nếu khuyết ghế Thủ tướng.

Quyền hành pháp được giao cho Nội các, gồm Thủ tướng và các bộ trưởng, tất cả chịu trách nhiệm tập thể trước Quốc hội. Thủ tướng phải là một nghị viên của Quốc hội và được Quốc hội bổ nhiệm, có quyền chỉ định và bãi nhiệm các bộ trưởng, các vị sau này phải là dân sự và phần lớn là nghị viên Quốc hội.

Vào tháng 3 năm 1992, Nhật Bản có 12 bộ và 32 cơ quan với Văn phòng Thủ tướng, 1,17 triệu công chức kể cả 240 ngàn nhân viên thuộc Lực lượng Tự vệ. Ngoài ra còn có Hội đồng Kiểm toán chịu trách nhiệm thanh tra các tài khoản quốc gia.

#### 2.2.4. Hệ thống Tư pháp

Bộ máy tư pháp hoạt động hoàn toàn độc lập với Quốc hội và Nội các, bao gồm Tòa án tối cao, 8 Tòa án cấp cao (phúc thẩm) đặt tại 8 thành phố lớn, mỗi tỉnh có Tòa án tỉnh (trừ Hắc-cai-đô có 4 Tòa án). Các Tòa án xét xử rút gọn và Tòa án gia đình thiết lập từ năm 1949.

Tòa án tối cao có tiếng nói quyết định cuối cùng trong việc xem xét tính hợp hiến của bất cứ một đạo luật, mệnh lệnh, quy định hoặc quy tắc chính thức nào. Chánh án Tòa án tối cao do Nhật hoàng bổ nhiệm theo đề nghị của Nội các. 14 thành viên khác của Tòa án tối cao do Nội các bổ nhiệm thông qua cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc. Các Thẩm phán Tòa án cấp dưới được Nội các bổ nhiệm theo đề nghị của Tòa án tối cao. Nhiệm kỳ các Thẩm phán là 10 năm, sau đó có thể được tái nhiệm.

### **2.3. Đảng phái chính trị**

Nhật Bản là quốc gia có chính quyền đa đảng phái. Những đảng phái chính trị lớn gồm có Đảng Dân chủ Tự do (LDP); Đảng Dân chủ Nhật Bản (JDP); Đảng Komei (Công minh); Đảng Cộng sản Nhật Bản (JCP), Dân chủ (DPJ), Dân chủ Xã Hội (SDP), Tân đảng Quốc dân (PNP), Đảng của mọi người (YP)...

#### 2.3.1. Các đảng lớn

Trong số các đảng phái, có thể kể tên một số đảng phái lớn có nhiều ảnh hưởng đến chính trị như sau:

- **Đảng Dân chủ Tự do (LDP)**

Thành lập tháng 11 năm 1955, là đảng tư sản-bảo thủ lớn nhất, hiện chiếm 296/480 ghế tại Hạ viện và 115/252 ghế tại Thượng viện. Đảng LDP cầm quyền liên tục 38 năm từ 1955 đến 1993. Do mâu thuẫn nội bộ và bị phân liệt, LDP đã thất bại lớn trong bầu cử Hạ viện tháng 7 năm 1993 và bị mất quyền lãnh đạo đất nước. Trong cuộc bầu cử thượng viện ngày 29 tháng 7 năm 2007, đảng Dân chủ Tự do bị thất bại nặng nề và không còn là đảng lớn nhất trong thượng viện.

- **Đảng Dân chủ Nhật Bản (JDP)**

Thành lập ngày 28 tháng 9 năm 1996, thành phần chủ yếu gồm các nghị sĩ tách ra từ Đảng Xã hội và Đảng Sakigake. Tháng 4 năm 1998, Đảng Dân chủ sát nhập thêm Tân đảng ái hữu và liên hiệp cải cách dân chủ, thành lập Đảng Dân chủ mới, trở thành đảng đối lập lớn nhất. Hiện nay, đảng này có 113/480 ghế tại Hạ viện và 82 ghế tại Thượng viện. Ngày 5 tháng 10 năm 2003, Đảng Dân chủ đã sáp nhập với Đảng Tự do thành Đảng Dân chủ với 204 nghị sĩ trong đó có 136 Hạ Nghị sĩ. Chủ tịch Đảng Dân chủ mới là ông Okada Kazuya. Sau cuộc bầu cử thượng viện ngày 29 tháng 7 năm 2007, Đảng Dân chủ trở thành đảng lớn nhất trong thượng viện.

- **Đảng Công Minh**

Được thành lập vào tháng 11 năm 1964. Năm 1998, các thế lực đảng Komei cũ trong Tân đảng Hoà bình ở Hạ viện và Komei ở Thượng viện hợp nhất thành lập Đảng Komei mới. Hiện nay, đảng này tham gia vào chính phủ liên hiệp của Thủ tướng Koizumi với 24 ghế tại Thượng viện và 34 ghế tại Hạ viện.

- **Đảng Xã hội dân chủ**

Tiền thân là Đảng Xã hội (JSP) thành lập tháng 11 năm 1945, có cơ sở chủ yếu trong tầng lớp trí thức, có khuynh hướng xã hội dân chủ. Đến đầu 1990 là đảng đối lập lớn nhất trong Quốc hội.

- Đảng Cộng sản

Được thành lập năm 1922, song chỉ sau Thế Chiến Thứ Hai mới được ra hoạt động công khai. Hiện nay giữ 9/480 ghế tại Hạ viện, 7/242 ghế trong Thượng viện. Đảng Cộng sản Nhật Bản có tổ chức chặt chẽ, kiên định đường lối; chủ trương xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Nhật Bản thông qua cách mạng dân chủ và đấu tranh nghị trường; bảo vệ quyền lợi của người lao động, chống tư bản Nhật. Gần đây, Đảng Cộng sản đã thay đổi lập trường trên một số vấn đề như thừa nhận Nhật Hoàng, Hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ..., tranh thủ lôi kéo các đảng đối lập để tiến tới lập chính quyền liên hiệp dân chủ.

### 2.3.2. Các đảng khác

- Tân đảng quốc dân
- Đảng của mọi người
- Câu lạc bộ Cải cách (đảng đối lập trong Quốc hội)

## 2.4. **Phân chia địa phương, lãnh thổ và địa giới hành chính**

Đơn vị phân vùng hành chính cấp 1 của Nhật Bản là đô đạo phủ huyện, cả nước được chia thành 1 đô, 1 đạo, 2 phủ, 43 huyện. Các đô thị lớn tùy theo số dân và ảnh hưởng mà được chỉ định làm thành phố chính lệnh chỉ định, thành phố trung tâm, thành phố đặc biệt. Phân vùng hành chính dưới đô đạo phủ huyện là thị định thôn, ngoài ra còn có các đơn vị như quận, chi sảnh, khu, đặc biệt khu,... Căn cứ vào địa lý và nhân văn, đặc trưng kinh tế, Nhật Bản thường được chia thành 8 khu vực lớn, bao gồm: vùng Hokkaido, vùng Đông Bắc, vùng Kantō, vùng Trung Bộ, vùng Kinki (còn gọi là vùng Kansai), vùng Chugoku, vùng Shikoku và vùng Kyushu-Okinawa.

Nhật Bản chỉ làm 47 đơn vị hành chính (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) gồm Thủ đô Tô-ky-ô, 2 thành phố Ki-ô-tô và Ô-xa-ca, vùng Hốc-cai-đô và 43 tỉnh nông thôn. Những người đứng đầu cơ quan hành chính (Tỉnh trưởng, Thị trưởng ...) và các Nghị sĩ Hội đồng địa phương đều do cử tri địa phương trực tiếp bầu ra. Cơ quan lập pháp tỉnh (Hội đồng tỉnh) có khoảng từ 12 đến 30 người tùy

theo dân số trong tỉnh với nhiệm kỳ là 4 năm. Tuy nhiên, quyền hạn của Hội đồng tỉnh bị hạn chế, quyền lực tập trung vào tay Tỉnh trưởng.

### **3. VƯƠNG QUỐC THÁI LAN**

#### **3.1. Thể chế chính trị**

Vương quốc Thái Lan nằm ở Đông Nam Á, rộng 513.100 km<sup>2</sup>, có 61,6 triệu dân. Thủ đô là Băng Cốc. Sau một thời gian dài phát triển nhanh, kinh tế Thái Lan rơi vào suy thoái tháng 7/1997. Từ năm 2000, kinh tế ổn định trở lại nhưng không đạt được tốc độ bền vững như trước.

Thái Lan là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị thực dân phương Tây xâm lược. Năm 1932, chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập thông qua một cuộc đảo chính. Từ khi lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế năm 1932, Thái Lan đã có 17 hiến pháp và sửa đổi. Trong suốt quá trình đó, chính phủ liên tiếp chuyển đổi qua lại từ chế độ độc tài quân sự sang chế độ dân chủ, nhưng tất cả các chính phủ đều thừa nhận triều đại cha truyền con nối như lãnh đạo tối cao của dân tộc[

Theo Hiến pháp năm 1992, quân đội vẫn kiểm soát Thượng viện. Hiến pháp năm 1992, quân đội vẫn kiểm soát Thượng viện. Hiến pháp năm 1997 đã loại bỏ vai trò của quân đội ra khỏi đời sống chính trị. Thượng viện được bầu trực tiếp lần đầu tiên vào đầu năm 2000. Vua Phu-mi-phôn A-đu-da-dệt trị vì Thái Lan từ năm 1946.

#### **3.2. Cơ cấu quyền lực**

Hiến pháp lâm thời công bố năm 1932 thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Thái Lan. Bản Hiến pháp này được sửa thường xuyên. Ngày 27 tháng 9 năm 1997, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới, được chấp nhận bởi nhà Vua và được công bố ngày 11 tháng 10 năm 1997.

##### **3.2.1. Nhà Vua**

Nguyên thủ quốc gia là Nhà Vua: Được coi là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Về danh nghĩa Nhà Vua là người đứng đầu nhà nước, Tổng Tư lệnh quân đội và là người bảo trợ Phật giáo. Vua là một người đạo Phật và bảo hộ các tôn giáo. Nhà Vua ở vị trí thiêng liêng, bất khả xâm phạm, đứng đầu các lực lượng vũ trang.

Vua có đặc quyền xóa bỏ các tước vị, danh hiệu, trao tặng hoặc thu hồi huân chương, có quyền sáng tạo luật lệ, giải tán Hạ viện và ấn định bầu cử mới. Vua có quyền ban hành sắc lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp (có tiếp kí của Bộ trưởng) sẽ có hiệu lực như một đạo luật để bảo vệ quốc gia hoặc an ninh trật tự, an ninh kinh tế quốc gia, ngăn ngừa tai họa công cộng.

Vua có thẩm quyền chỉ định, miễn nhiệm quan chức trong ngành quân chính và dân chính gồm: Bộ trưởng, Tổng giám đốc hoặc Tương đương (quyền bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ phải có chữ ký của Chủ tịch Quốc hội). Vua lựa chọn và bổ nhiệm những người có đủ khả năng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng cơ mật (Hội đồng Nhà Vua) và không quá 18 Ủy viên để thiết lập Hội đồng cơ mật, cơ quan tư vấn cho Vua về tất cả các lĩnh vực thuộc nhiệm vụ của Vua. Bất cứ lúc nào Vua vắng mặt khỏi Vương quốc hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì Vua bổ nhiệm một Quan Nhiếp chính.

### 3.2.2. Quốc hội

Theo Hiến pháp ngày 24/8/2007, Quốc hội Thái Lan là Quốc hội lưỡng viện. Hạ viện (cơ quan lập pháp) gồm 480 ghế và Thượng viện gồm 150 ghế.

Quốc hội gồm Hạ viện và Thượng viện và Hạ viện có tiếng nói chính trị quan trọng hơn so với Thượng viện. Chủ tịch Hạ viện là Chủ tịch Quốc hội. Chủ tịch Thượng viện là Phó Chủ tịch Quốc hội.

- Hạ viện

Hạ viện gồm 500 thành viên trong đó có 100 thành viên được bầu theo danh sách các đảng và 400 thành viên còn lại bầu trên cơ sở đơn vị bầu cử, đều bằng phổ thông đầu phiếu. Các đảng phải nhận được ít nhất 5% tổng số phiếu bầu trong cả nước để được tính đến tỷ lệ ghế có được trong Hạ viện. Một người được bầu vào Hạ viện phải có quốc tịch Thái gốc, không dưới 25 tuổi, tốt nghiệp đại học, không thấp hơn trình độ tú tài hoặc tương đương, trừ trường hợp quy định khác đi trong Hiến pháp. Nhiệm kỳ Hạ viện là 4 năm. Vua có đặc quyền giải tán Hạ viện để tổ chức cuộc bầu cử mới. Các thành viên Hạ viện không từ bỏ việc nhập đảng đoàn của họ ngoài việc từ bỏ chức vụ của họ.

- Thượng viện

Thượng viện gồm 200 thành viên được bầu bởi phổ thông đầu phiếu. Mọi ứng cử viên phải là người Thái chính gốc, không dưới 40 tuổi, tốt nghiệp đại học, không thấp hơn trình độ tú tài hoặc tương đương. Nhiệm kỳ Thượng viện là 6 năm.

Thương nghị sỹ không được tranh cử liên tiếp 2 nhiệm kỳ, không tham gia đảng phái, không được vận động bầu cử.

Khi cần thiết, để phục vụ công việc quan trọng của Nhà nước, Vua có thể triệu tập phiên họp đặc biệt của Quốc hội. Hiến pháp quy định về việc sửa đổi Hiến pháp. Một kiến nghị sửa đổi phải dựa trên sự đề xuất của Hội đồng Bộ trưởng, từ 1/5 tổng số thành viên toàn thể Hạ viện hoặc Quốc hội. Một kiến nghị sửa đổi phải đề xuất một Ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp và Quốc hội sẽ xem xét trong 3 lần đọc. Việc ban hành phải được phê chuẩn của trên ½ tổng số thành viên của 2 viện Quốc hội.

Một dự thảo luật được Quốc hội tán thành sẽ được Thủ tướng trình Vua ký ban hành trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được và luật có hiệu lực khi công bố trong công báo của Chính phủ. Nếu Vua từ chối phê chuẩn, Quốc hội phải thảo luận kỹ lại dự thảo luật đó. Nếu Quốc hội kiên quyết thông qua với 2/3 số thành viên thì Thủ tướng sẽ trình Vua ký một lần nữa. Nếu Vua không ký và trả lại dự thảo luật trong vòng 30 ngày, Thủ tướng sẽ đưa dự luật tới công bố trên công báo và dự luật đó có hiệu lực như một đạo luật cho dù Vua có ký hay không. Các chủ thể có quyền trình dự án luật là: Chính phủ, đại biểu Quốc hội hoặc tập thể gồm ít nhất 50.000 người dân cùng đứng tên.

### 3.2.3. Chính phủ

Chính phủ bao gồm 36 thành viên gồm 3 Phó Thủ tướng, 21 Bộ trưởng và 11 Thứ trưởng. Ngoài ra còn có một số Ủy ban của Chính phủ được lập ra để phối hợp thực hiện các chính sách chung.

- Thủ tướng

Theo quy định trong Hiến pháp, Thủ tướng Thái Lan phải là một thành viên trong quốc hội. Trong khi đó, các thành viên trong Nội các chính phủ không nhất thiết phải là các thành viên trong quốc hội. Cuộc bầu cử Thủ tướng dân chủ đầu tiên sau đảo chính 2006 được tổ chức ngày 3 tháng 7 năm 2011, Đảng Pheu Thai của bà Yingluck Shinawatra, em gái cựu thủ tướng bị lật đổ Thaksin Shinawatra đã thắng lợi áp đảo với 263 ghế, dẫn trước Đảng Dân chủ cầm quyền của Thủ tướng Abhisit Vejjajiva với 161 ghế trong 500 ghế quốc hội. Với chiến thắng này đã đưa bà Yingluck Shinawatra trở thành nữ thủ tướng đầu tiên trong lịch sử Thái Lan sau sáu đời nam thủ tướng với nhiều bất ổn trong chính trường.

- Hội đồng Bộ trưởng

Hội đồng Bộ trưởng gồm Thủ tướng và không nhiều hơn 35 Bộ trưởng khác (tính cả các Thứ trưởng). Hội đồng Bộ trưởng là cơ quan hành pháp, có nhiệm vụ tiến hành quản lý công việc nhà nước. Thủ tướng do Vua bổ nhiệm trong cá thành viên Hạ viện và phải được sự tán thành của trên ½ tổng số thành viên Hạ viện. Các Bộ trưởng do Vua bổ nhiệm theo sự tiến cử của Thủ tướng. Không có Thủ tướng nào đồng thời là thành viên của cả Hạ viện hoặc Thượng viện. Thủ tướng phải có quốc tịch Thái Lan gốc, bằng hoặc trên 35 tuổi và tốt nghiệp đại học, không thấp hơn trình độ tú tài hoặc tương đương.

Nhà nước thiết lập Hội đồng xã hội và kinh tế quốc gia có nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu với Hội đồng Bộ trưởng các vấn đề kinh tế - xã hội.

#### 3.2.4. Hệ thống tư pháp

Tòa án tối cao xử phúc thẩm cao nhất tất cả các trường hợp về dân sự, phá sản, lao động, vị thành niên và hình sự. Đứng đầu Tòa án tối cao là Chánh án. Kháng án từ tất cả các tòa cấp một loại trừ Tòa án lao động Trung ương đều chuyển tới Tòa phúc thẩm.

Ngoài ra còn có Tòa đệ nhất gồm Tòa dân sự, Tòa hình sự, Tòa gia đình, Tòa vị thành niên (ở Trung ương), Tòa lao động trung ương và Tòa thuế vụ trung ương, các Tòa án tỉnh, Tòa án dân sự Thon-Bu-ri, Tòa hình sự Thon-Bu-ri, Tòa dân sự Nam Băng Cốc, Tòa hình sự Nam Băng Cốc và các Tòa sơ thẩm.

### 3.3. **Đảng phái chính trị**

Hiện tại ở Thái Lan, có thể kể tên một số đảng như sau:

#### 3.3.1. Đảng lớn:

- Đảng Vì nước Thái (Pheu Thái)

Đảng này ban đầu được thành lập bởi Thaksin Shinawatra. Đảng Pheu Thái được lập ngày 20 tháng 9 năm 2008 với dự định thay thế Đảng Quyền lực Nhân dân bị Tòa án hiến pháp Thái Lan giải tán ít hơn 3 tháng sau khi phát hiện các đảng viên đảng này có tội gian lận bầu cử. Vào tháng 5 năm 2011, Đảng Pheu Thai, đảng đối lập trong Quốc hội Thái Lan và vốn vẫn có quan hệ mật thiết với ông Thaksin, đã đề cử bà Yingluck Shinawatralà ứng cử viên cho chức vụ thủ tướng nếu họ thắng cử vào cuộc Tổng tuyển cử cùng năm. Kết quả ban đầu của cuộc bầu cử tháng 7 năm 2011 cho thấy đảng của bà giành được 260 ghế trên tổng số 500 ghế tại Quốc



hội Thái Lan, tức đã quá bán để hình thành một chính phủ đa số. Yingluck hiện đang tiến gần tới việc sẽ là nữ thủ tướng đầu tiên của Thái Lan.

- Đảng Dân chủ:

Đảng Dân chủ là chính đảng lâu đời nhất của Thái Lan và hiện là đảng đối lập lớn nhất tại quốc gia này. Đảng này có một hệ tư tưởng tự do và trung tả, so với Đảng người Thái yêu người Thái, đối thủ chính của đảng này. Các cơ sở ủng hộ hiện nay của đảng này tập trung vào dân chúng trung lưu và thượng lưu ở Bangkok và phần lớn cử tri ở miền Nam Thái Lan. Đảng này hiện đã bị giải thể.

- Quốc Dân Đảng Thái Lan (Đảng Chart Thai)

Đảng Chart Thai là một chính đảng bảo thủ ở Thái Lan. Trong cuộc bầu cử năm 2001, Chart Thai giành được 41 ghế và đã tham gia một liên minh đa số với đảng lớn nhất, Đảng Thai Rak Thai. Đảng này đánh mất một số phiếu trong cuộc bầu cử năm 2005, dù có sự ủng hộ của tay tài phiệt massage và chính trị Chuwit Kamolvisit. Đảng này đã giành được 11,4% phiếu bầu phổ thông và giành được 27/438 ghế. Đảng này đã đoàn kết với 2 đảng đối lập chính để tẩy chay cuộc bầu cử tháng 4 năm 2006 với hy vọng chính phủ mới không thể thành lập được. Lãnh đạo hiện nay của đảng này là Banharn Silpa-Archa.

- Đảng Sức mạnh Nhân dân (PPP)

Đảng Sức mạnh Nhân dân (Palang Prachachon; PPP) là một chính đảng Thái Lan. Lãnh đạo đảng này là Somchai Wongsawat (tạm quyền); Tổng bí thư đảng này là Surapong Suebwonglee và người phát ngôn của đảng là Kuthep Saikrajarn.

### 3.3.2. Các đảng khác

- Đảng Công dân
- Đảng Phát triển Dân tộc
- Đảng Hành động Xã hội
- Đảng Tổ quốc Thái
- Phak Khonkhoplodnee
- Đảng Khát vọng Mới
- Đảng Quân chúng (chính đảng của Liên minh Dân chủ Nhân dân)

### **3.4. Phân chia địa phương, lãnh thổ và địa giới hành chính**

Thái Lan được chia làm 76 tỉnh, trong đó có 2 thành phố trực thuộc trung ương: Bangkok và Pattaya. Do có phân cấp hành chính tương đương cấp tỉnh, Bangkok thường được xem là tỉnh thứ 76 của Thái Lan.

Các tỉnh được chia thành các huyện hoặc quận. Năm 2006, Thái Lan có 877 huyện và 50 quận (thuộc Bangkok). Một số phần của các tỉnh giáp ranh với Bangkok (như Nonthaburi, Pathum Thani, Samut Prakan, Nakhon Pathom và Samut Sakhon) thường được gộp chung và được biết đến như Vùng đô thị Bangkok. Các tỉnh đều có tỉnh lỵ trùng tên với mình (nếu là tỉnh Phuket thì có thủ phủ là Amphoe Mueang Phuket hay Phuket). Các huyện được chia thành các xã trong khi các quận được chia thành các phường. Các xã được chia thành các thôn.

Các đô thị của Thái Lan gồm ba cấp, thành phố, thị xã và thị. Nhiều thành phố và thị xã đồng thời là tỉnh lỵ. Tuy nhiên một tỉnh có thể có tới hai thành phố và vài thị xã.

Theo quy định của Hiến pháp, bất cứ địa phương có được địa vị tự trị sẽ được quản lý theo quy định của pháp luật. Mỗi đơn vị hành chính địa phương có Hội đồng địa phương, Ủy ban hành chính địa phương hoặc Ủy ban quản lý địa phương. Các thành viên Hội đồng địa phương được bầu trực tiếp bởi phổ thông đầu phiếu. Ủy ban hành chính địa phương hoặc Ủy ban quản lý địa phương được bầu trực tiếp bởi nhân dân hoặc sự phê chuẩn của Hội đồng địa phương. Thành viên của Hội đồng địa phương, Ủy ban hành chính hoặc quản lý địa phương có nhiệm kỳ 4 năm.

Thái Lan chia làm 76 tỉnh, đứng đầu mỗi tỉnh là Tỉnh trưởng do Bộ Nội vụ bổ nhiệm, 2 Phó tỉnh trưởng cũng do Bộ Nội vụ bổ nhiệm. Tỉnh chia thành quận, huyện; quận, huyện chia tiếp thành phường, xã; phường, xã chia tiếp thành làng.

## **4. CỘNG HÒA AI-LEN**

### **4.1. Thể chế chính trị**

Ai-len là quốc đảo có diện tích 70,282 km<sup>2</sup> với 4,5 triệu người, nằm trong biển Bắc Băng Dương, ở cực Tây – Bắc Châu Âu, phía đông giáp biển nằm giữa

Ai-len và nước Anh, phía Tây giáp Bắc Băng Dương. Ai-len là nước có chính thể cộng hòa nghị viện.

Ai-len ra đời năm 1922 sau khi 26 tỉnh của đảo Ai-len tách khỏi Vương Quốc Anh. Sáu tỉnh còn lại vẫn thuộc Anh, thường gọi là Vùng Bắc Ai-len. Trước đó, Ai-len nằm dưới quyền cai trị của Vương Quốc Anh trong nhiều thế kỷ.

Từ cuối thế kỷ 19 (1874), người Ai-len đã đấu tranh xây dựng một hệ thống luật pháp riêng nhằm dành quyền tự trị mà không buộc đảo này phải tách hẳn khỏi Anh quốc. Tuy nhiên từ đó đã nảy sinh ra mâu thuẫn trong nội bộ Ai-len giữa một bên là những người Tin lành theo chủ nghĩa liên minh (unionism), muốn Ai-len tiếp tục nằm trong nước Anh và một bên là những người Thiên chúa giáo theo phe Sinn Fein, muốn Ai-len tách hoàn toàn khỏi Anh thành quốc gia độc lập. Chủ nghĩa Liên minh đặc biệt phát triển mạnh ở khu vực Ulster phía bắc, nơi công nghiệp hóa phát triển mạnh so với phần còn lại của Ai-len chủ yếu làm nông nghiệp. Năm 1914, để tránh một cuộc nội chiến ở Ulster, Thủ tướng Anh lúc bấy giờ là Asquith, với sự đồng thuận của lãnh đạo đảng Quốc hội Ai-len đã trao quyền tự trị cho 26 trong số 32 tỉnh của Ai-len, 6 tỉnh phía Bắc nằm ngoài thỏa thuận này. Tuy nhiên do thế chiến thứ nhất nổ ra năm 1914, thỏa thuận này chưa được áp dụng.

Năm 1919, sau cuộc bầu cử Quốc hội, 73 trong số 106 nghị sỹ quốc hội thuộc đảng Sinn Fein từ chối không tham gia Hạ nghị viện Anh mà thay vào đó lập Quốc hội riêng của Ai-len (Dail Eireann). Quốc hội Ai-len tháng 1/1919 đơn phương ra bản Tuyên ngôn độc lập và tuyên bố thành lập Cộng hòa Ai-len. Tuy nhiên Cộng hòa Ai-len, không được quốc tế công nhận (trừ Liên bang Xô Viết). Sau cuộc chiến giành độc lập, Anh và Ai-len đàm phán Hiệp định Anh – Ai-len năm 1921, cho ra đời nước Ai-len Tự do. Ai-len Tự do bao gồm 26 tỉnh, 6 tỉnh phía bắc còn lại được quyền chọn hoặc gia nhập quốc gia mới, hoặc vẫn giữ thuộc về Anh và họ đã chọn ở lại Vương quốc Anh. Đứng đầu của nước Ai-len độc lập là nhà vua Ai-len.

Ngày 29/12/1937, Hiến pháp mới của Ai-len ra đời thay tên nước Ai-len Tự do bằng tên mới Ai-len, và quy định người đứng đầu nhà nước Ai-len là Tổng thống thay vì Nhà vua. Ai-len đã gia nhập Liên Hiệp Quốc năm 1955, Khối Thị trường chung châu Âu, tiền thân của Liên minh châu Âu năm 1973 (cùng với Anh).

## 4.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước

### 4.2.1. Tổng thống

Tổng thống được dân bầu trực tiếp, tuổi phải từ 35 trở lên, nhiệm kỳ 7 năm và chỉ được bầu lại 1 lần. Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, Tổng tư lệnh các lực lượng quốc phòng, không có quyền hành pháp, có quyền bổ nhiệm Thủ tướng, bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Chính phủ (qua đề nghị của Quốc hội). Từ năm 1937 đến nay, Ai-len có 7 Tổng thống, 3 người đã cầm quyền 2 nhiệm kỳ liền. Tổng thống hiện nay là Bà Mary McAleese, nhậm chức từ tháng 11/1997, tái đắc cử năm 2004.

### 4.2.2. Chính phủ

Chính phủ hiện này là liên minh hai đảng: Đảng Fine Gael (Đảng của Thủ tướng Enda Kenny) và Công đảng. Hiến pháp quy định thành viên Chính phủ không ít hơn 7 và không nhiều hơn 15 Bộ trưởng.

- Thủ tướng

Đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng. Thủ tướng nắm quyền hành pháp, điều hành Chính phủ. Thủ tướng là lãnh tụ của đảng hoặc liên minh chiếm đa số ghế trong Hạ viện. Thủ tướng được Tổng thống bổ nhiệm dựa trên sự lựa chọn của Hạ viện và chịu trách nhiệm trước Hạ viện.

- Nội các

Nội các do Thủ tướng bổ nhiệm, trước đó được Thủ tướng chỉ định và được Hạ viện thông qua. Thủ tướng bổ nhiệm một thành viên của Chính phủ là Phó Thủ tướng. Thủ tướng, Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Tài chính phải là thành viên Quốc hội, các thành viên khác có thể là nghị sỹ trong Hạ viện hay Thượng viện và không nhiều hơn 2 thành viên thuộc Thượng viện. Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Hạ viện, Thủ tướng phải từ chức nếu không được đa số ủng hộ của Hạ viện. Bộ trưởng có thể đứng đầu hơn 1 Bộ.

### 4.2.3. Quốc hội

Quốc hội Ai-len là Quốc hội lưỡng viện gồm Thượng viện và Hạ viện.

- Thượng viện

Thượng viện (Seanad Eireann): 60 thượng nghị sỹ trong đó 11 do Thủ tướng đề cử, 43 bầu từ 5 Ban chuyên trách (Văn hoá; Giáo dục; Nông nghiệp; Lao

động, công nghiệp và thương mại; Hành chính), còn 6 thượng nghị sĩ do các trường đại học bầu (3 trường đại học quốc gia Ai-len và đại học Dublin).

Thượng viện có ít quyền lực, chỉ có thể lùi thời gian thông qua các luật chứ không thể phủ quyết các dự luật. Tỷ lệ số thượng nghị sĩ phản ánh tỷ lệ thắng cử của các đảng tại bầu cử Hạ viện. Thượng viện gồm 60 thành viên, 11 thành viên do Thủ tướng chỉ định, 6 thành viên do các tổ chức giáo dục cấp cao bầu và 43 thành viên còn lại đại diện cho các ngành nghề. Nhiệm kỳ của Thượng viện là 5 năm.

- Hạ viện

Hạ Viện (Dail Eireann): có 166 hạ nghị sĩ, được bầu từ 41 đơn vị bầu cử (12 đơn vị bầu 3, 15 đơn vị bầu 4, 14 đơn vị bầu 5 nghị sĩ), mỗi nghị sĩ đại diện cho 30 nghìn dân hay không quá 1 nghị sĩ cho 20 nghìn dân, nhiệm kỳ 5 năm. Hạ viện là cơ quan lập pháp chủ yếu, bầu Thủ tướng và Chính phủ. Hạ viện gồm 166 đại biểu được bầu với nhiệm kỳ 5 năm trên cơ sở đại diện tỷ lệ. Tháng 6/1984, một cuộc trưng cầu dân ý đã phê chuẩn cho phép người cư trú ở Ai-len không phải là công dân có quyền bầu cử Hạ viện.

#### 4.2.4. Hệ thống tư pháp

Tòa án tối cao gồm Chánh án và 5 Thẩm phán khác xét xử phúc thẩm tất cả các quyết định của Tòa án cấp cao. Tổng thống có thể (sau khi được Hội đồng nhà nước cố vấn) chuyển các dự án luật được chấp thuận bởi hai viện lập pháp hoặc bất kỳ quyết định nào khác của hai viện mâu thuẫn với Hiến pháp đến Tòa án tối cao để xem xét ban hành hoặc không ban hành.

Tòa án phúc thẩm hình sự gồm Chánh án Tòa án tối cao hoặc Thẩm phán của Tòa án tối cao và hai Thẩm phán Tòa án cấp cao.

Tòa án cấp cao gồm Chánh án Tòa cấp cao và 15 Thẩm phán khác. Tòa cấp cao là tòa xét xử sơ thẩm với quyền phúc thẩm án theo quy định của luật. Tòa cấp cao có quyền đặc biệt là xem xét tính hợp hiến của các đạo luật. Ngoài ra, Ai-len còn có Tòa tuần tra và các Tòa án khu vực.

Hiến pháp quy định Thẩm phán của các tòa án độc lập trong khi xét xử. Các Thẩm phán do Tổng thống bổ nhiệm dựa trên sự tư vấn của Chính phủ. Các Thẩm phán chỉ có thể bị cách chức trong trường hợp duy nhất là có sự phê chuẩn của hai viện lập pháp.

### **4.3. Đảng phái chính trị**

#### **4.3.1. Các đảng lớn:**

- Đảng Fine Gael:

Đảng này có các đại diện như Thủ tướng: Ông Enda Kenny (En-đa Ken-ni), từ tháng 3/2011, Chủ tịch Hạ viện: Ông Sean Barrett (Sin Ba-rét), nhậm chức tháng 3/2011.

- Đảng Lao động:

Ngoại trưởng Eamon Gilmore (I-e-mon Gin-mo), nhậm chức tháng 3/2011 là người thuộc đảng này.

#### **4.3.2. Các đảng khác:**

- Fianna Fáil
- Sinn Féin
- Đảng Cộng sản
- Đảng Xanh
- Đảng người lao động

### **4.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Các chính quyền địa phương theo Luật chính quyền địa phương quy định năm 1991 và 2001 bao gồm:

- Vùng biên giới gồm 6 hạt Cavan, Donegal, Leitrim, Louth, Monaghan và Sligo
- Vùng phía Tây gồm 4 hạt Mayo, Roscommon, Galway và Hội đồng thành phố
- Vùng miền Trung gồm 4 hạt Laois, Longford, Offaly và Westmeath
- Vùng phía đông miền Trung gồm Kildare, Meath và Wicklow
- Vùng Đub-lin gồm Dun Laoghaire - Rathdown, Fingal, South Dublin và Hội đồng thành phố Đub-lin

- Vùng Đông Nam gồm 4 hạt Carlow, Kilkenny, Wexford, Waterford and hội đồng thành phố Waterford và phía Nam Tipperary
- Vùng Tây Nam gồm 2 hạt Kerry và Cork và Hội đồng thành phố
- Vùng phía Tây miền Trung gồm 2 hạt Clare, Limerick và phía Nam Tipperary và hội đồng thành phố Limerick

## 5. VƯƠNG QUỐC NA-UY

### 5.1. Thể chế chính trị

Vương quốc Na-uy nằm ở Bắc Âu rộng 323.800km<sup>2</sup> được UNDP đánh giá là nước có chất lượng sống cao nhất thế giới. Năm 1814, Na-uy tách ra khỏi Đan Mạch, sau đó bị Thụy Điển thống trị. Tuy nhiên, Nghị viện Na-uy được thành lập từ năm 1884 cũng có quyền lực đáng kể. Năm 1905, Na-uy độc lập. Trong hai cuộc đại chiến thế giới, Na-uy tuyên bố trung lập nhưng vẫn bị Đức chiếm đóng từ 1940-1945. Năm 1945, Na-uy gia nhập NATO. Sau cuộc bầu cử tháng 9/2001, Chính phủ mới được thành lập gồm 3 đảng: đảng Bảo thủ, đảng Dân chủ Thiên chúa giáo và đảng Tự do. Ông Ki-en Mác-ne Bun-ne-vích giữ chức Thủ tướng nhiệm kỳ thứ hai. Vua Na-uy là Ha-ran đệ ngũ, trị vì từ năm 1991. Theo Hiến pháp, Na-uy là một vương quốc tự do, không thể chia cắt, không thể chuyển nhượng, có hình thức chính thể quân chủ thế tập và hạn chế (quân chủ lập hiến). Na-uy có tổ chức bộ máy nhà nước theo thuyết “tam quyền phân lập”.

### 5.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước

#### 5.2.1. Nhà Vua

Thể chế của Na Uy theo chế độ quân chủ lập hiến đứng đầu Nhà nước là Vua. Hiến pháp Na Uy năm 1814 quy định vua theo chế độ cha truyền con nối. Nhưng hiện nay Vua chỉ mang tính chất lễ nghi, không còn quyền lực chính trị. Quyền lực chính trị thuộc về cơ quan hành pháp (Chính phủ), đứng đầu là Thủ tướng. Người nối ngôi vua sẽ là con cả, không phân biệt nam nữ.

### 5.2.2. Nghị viện

Nghị viện được thành lập từ năm 1884, được bầu 4 năm một lần bởi phổ thông đầu phiếu theo chế độ đại diện tỷ lệ. Nghị viện Na-uy gồm 165 thành viên được chia làm 2 viện.

Trước đây, nghị viện gồm 2 viện: Lagting (tương đương Thượng viện) và Odelsting (tương đương Hạ viện). Kể từ năm 2009, Quốc hội Na Uy bỏ việc phân chia Quốc hội thành Thượng viện và Hạ viện và theo chế độ một viện (unicameral) với 169 nghị sỹ, nhiệm kỳ 4 năm.

Chế độ bầu cử của Na Uy dựa trên nguyên tắc bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp và theo tỷ lệ. Cả nước có 19 đơn vị bầu cử. Những người chưa có quốc tịch Na Uy thì được quyền tham gia bầu cử ở địa phương, nếu đến ngày bầu cử họ đã sống liên tục ở Na Uy được 3 năm và đáp ứng các điều kiện chung về bầu cử. Quốc hội hiện nay (nhiệm kỳ 2009- 2012) có 169 ghế, trong đó Công Đảng chiếm đa số (64 ghế tương đương 35,4%).

### 5.2.3. Chính phủ

Chính phủ hiện nay là chính phủ đa số liên minh cánh tả (liên minh xanh - đỏ) gồm 3 đảng: Công đảng, Đảng Xã hội chủ nghĩa cánh tả (XHCN), Đảng Trung tâm do ông Jens Stoltenberg (chủ tịch Công đảng) đứng đầu. Chính phủ hiện có 17 Bộ (không bao gồm Văn phòng Thủ tướng).

### 5.2.4. Hệ thống tư pháp

Hệ thống toà án của Na Uy chia thành 3 cấp: cấp quận-huyện-thành phố; tòa án cấp cao và tòa án tối cao.

## 5.3. **Đảng phái chính trị**

### 5.3.1. Các đảng cánh tả

- Công Đảng, thành lập năm 1887, do Thủ tướng Jens Stoltenberg đứng đầu.
- Đảng XHCN cánh tả, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Nghiên cứu đứng đầu.



- Đảng Trung tâm, thành lập năm 1919, do Bộ trưởng phụ trách chính quyền địa phương và phát triển khu vực Liv Signe Hundere Navarsete đứng đầu.

#### 5.3.2. Các đảng cánh hữu

- Đảng Bảo thủ, thành lập năm 1884, do bà Erna Solberg đứng đầu.
- Đảng Tự do, thành lập năm 1884, do ông Lars Sponheim đứng đầu.
- Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo, thành lập năm 1933, do ông Dagfinn Høybråten đứng đầu.
- Đảng Tiến bộ, thành lập năm 1972, do bà Siv Jensen đứng đầu.

#### 5.3.3. Các đảng phái khác

- Đảng Cộng sản, thành lập năm 1923, theo chủ nghĩa Mác-Lê.
- Các tổ chức quần chúng công đoàn, có quan hệ gắn bó với Công Đảng.

### 5.4. **Phân chia lãnh thổ & chính quyền địa phương**

Na Uy được chia thành mười chín vùng hành chính cấp một “*fylker*” và 431 khu đô thị cấp hai. Khu hành chính cấp một là cấp hành chính trung gian giữa nhà nước và khu đô thị. Nhà vua có đại diện ở mọi hạt bởi một Fylkesmann.

## 6. **CỘNG HÒA PHÁP**

### 6.1. **Thế chế chính trị**

Cộng hoà. Nước Pháp theo chế độ Nghị viện - Tổng thống. Hiến pháp ngày 04/10/1958 liên tiếp được sửa đổi: Bầu cử Tổng thống theo phương thức phổ thông đầu phiếu trực tiếp (1962), bổ sung mục mới liên quan đến trách nhiệm hình sự của các thành viên chính phủ (1993), thiết lập kỳ họp duy nhất ở Nghị viện và mở rộng quy mô trưng cầu dân ý (1995), rút ngắn nhiệm kỳ tổng thống từ 7 năm xuống 5 năm (2000).

### 6.1.1. Tổng thống

Theo hiến pháp, Tổng thống Cộng hòa Pháp được bầu cử theo quy tắc phổ thông đầu phiếu với nhiệm kỳ 5 năm (trước kia là 7 năm). Sự phân xử của Tổng thống đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ cấu quyền lực công cộng và tính liên tục của quốc gia. Tổng thống đề cử Thủ tướng, là người cầm đầu nội các, tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang, và ký kết các hiệp ước. Với chức vụ này, tổng thống Pháp cũng kiêm tước vị Đệ nhất công tước của Công quốc Andorra và Tổng Chỉ huy Binh đoàn Danh dự (*Légion d'honneur*).

Bốn trong năm nền cộng hòa của Pháp đã có tổng thống làm nguyên thủ, vì thế chức này là chức tổng thống tồn tại lâu đời nhất châu Âu và thứ 2 thế giới (sau tổng thống Mỹ). Qua hiến pháp của mỗi nền cộng hòa, các quyền lực, địa vị, và trách nhiệm của tổng thống đã trải qua nhiều thay đổi.

Khác với chức tổng thống ở các nước châu Âu khác, Tổng thống Pháp có nhiều quyền lực thật sự, nhất là trong vấn đề ngoại giao. Tuy Thủ tướng và Quốc hội điều hành việc lập pháp, Tổng thống có nhiều ảnh hưởng quan trọng, chính thức và theo thông lệ. Tổng thống là chức vụ cao nhất đất nước, cao hơn tất cả các chức vụ khác. Quyền quan trọng nhất của Tổng thống là chọn Thủ tướng. Tuy thế, vì chỉ có Quốc hội mới có quyền bãi nhiệm chính phủ của một Thủ tướng, Tổng thống bị buộc phải chọn một Thủ tướng được đa số Quốc hội tán thành.

Khi phần đông Quốc hội không tán thành chính sách của Tổng thống, việc này dẫn đến việc "sống chung chính trị" (*cohabitation*). Trong trường hợp này, quyền của Tổng thống bị giới hạn, vì quyền thực sự dựa vào sự ủng hộ của Thủ tướng và Quốc hội chứ không phải vào quyền có từ hiến pháp. Tuy nhiên, theo thông lệ thì Tổng thống điều khiển chính sách ngoại giao, nhưng cũng phải hợp tác với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Khi phần đông Quốc hội có cùng quan điểm với Tổng thống, Tổng thống đóng được một vai trò tích cực hơn, và do đó điều khiển chính sách chính phủ. Lúc này, Thủ tướng chỉ là một cái "ngồi", và sẽ bị thay đổi khi chính phủ không được dân tán thành.

### 6.1.2. Nghị viện

Nghị viện Pháp (Parlement français) theo chế độ lưỡng viện gồm Quốc hội (Assemblée Nationale) và Thượng nghị viện (Sénat). Các nghị sĩ quốc hội được gọi là dân biểu (député) đại diện cho các khu vực bầu cử địa phương và được bầu trực tiếp với nhiệm kỳ 5 năm. Quốc hội Pháp có quyền bãi miễn chính phủ, vì thế phe chiếm đa số trong Quốc hội sẽ quyết định sự lựa chọn chính phủ. Các thượng nghị sĩ (sénateur) được lựa chọn theo bầu cử với nhiệm kỳ 6 năm (trước kia là 9 năm), và một nửa số ghế được bầu lại sau mỗi ba năm bắt đầu từ tháng 9, 2008.

Quyền lực lập pháp của Thượng nghị viện bị giới hạn: trong trường hợp có sự bất đồng giữa lưỡng viện, Quốc hội sẽ là bên có tiếng nói cuối cùng. Chính phủ có ảnh hưởng lớn trong việc đưa ra chương trình nghị sự của Quốc hội và Thượng nghị viện.

### 6.1.3. Quốc hội

Tổng thống do phổ thông đầu phiếu trực tiếp bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm và có quyền lực lớn: cử Thủ tướng, chủ trì Hội đồng Bộ trưởng, giải tán Quốc hội và quyết định tổ chức trưng cầu dân ý về các vấn đề quan trọng... Theo hiến pháp, Tổng thống là lãnh đạo cao nhất về chính sách đối ngoại và quốc phòng. Thủ tướng đứng đầu Chính phủ, có trách nhiệm trước Quốc hội, giữ quyền xây dựng luật trong phạm vi của mình và đảm bảo thi hành pháp luật.

Quyền lập pháp thuộc về Nghị viện, gồm Quốc hội và Thượng viện. Quốc hội do phổ thông đầu phiếu trực tiếp bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm (577 đại biểu). Thượng viện được bầu gián tiếp (do các uỷ viên hội đồng vùng, tỉnh và các nghị sĩ Quốc hội bầu ra), nhiệm kỳ 9 năm, 3 năm bầu lại 1/3. Với việc bỏ phiếu bất tín nhiệm, Quốc hội có thể bãi miễn chính phủ.

### 6.1.4. Hệ thống tư pháp

Tòa Thượng thẩm tối cao, các Thẩm phán được Tổng thống bổ nhiệm theo đề cử của Hội đồng thẩm phán cấp cao; Hội đồng Hiến pháp.

## **6.2. Các đảng phái chính trị**

Trong ba mươi năm qua, chính trị Pháp có đặc trưng bởi sự đối đầu chính trị giữa hai phe: cánh tả, tập trung quanh Đảng Xã hội chủ nghĩa Pháp (Parti socialiste), một đảng trung tả và cánh hữu tập trung quanh Đảng Tập hợp vì nền

Cộng hoà (RPR) và hậu duệ của nó là Union pour un Mouvement Populaire (UMP), một đảng trung hữu theo chủ nghĩa bảo thủ. Đảng Pháp cánh hữu đã có bước phát triển lớn đầu thập kỷ 1980 khi lợi dụng sự lo ngại của cử tri về sự thụt lùi của đất nước, sự 'tan rã quốc gia' kết quả của quá trình nhập cư và toàn cầu hóa hô hào ủng hộ những bộ luật nhập cư khắt khe hơn. Sau này số lượng cử tri ủng hộ họ dừng ở mức ổn định khoảng 16%.

#### 6.2.1. Các đảng phái cánh tả:

- Đảng Xã hội

Đảng xã hội thành lập 1905, đầu những năm 70 phát triển mạnh, có tổ chức sâu rộng trong xã hội. Tháng 4/2008, Đảng Xã hội công bố dự thảo “Tuyên bố nguyên tắc của đảng. Đây là bản tuyên bố các nguyên tắc lần thứ 5 của Đảng kể từ khi thành lập. Tuyên bố định nghĩa lại tôn chỉ, mục đích và các giá trị của đảng, nêu nhận thức của đảng về bản chất của CNXH trong bối cảnh hiện đại. Đại hội lần tới sẽ được tổ chức vào tháng 11/2008, tập trung vào mục tiêu lớn nhất là cải cách lại Đảng và chọn ra người đứng đầu. Hiện nay, dường như Đảng không có người lãnh đạo thực sự có sức tập hợp lực lượng nữa.

- Đảng Cộng sản

Đảng Cộng sản ra đời năm 1920, theo đường lối mác-xít, với mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng con đường hoà bình. Từ cuối những năm 70, số lượng đảng viên giảm rõ rệt do tác động của tình hình quốc tế và đấu tranh giữa các khuynh hướng trong nội bộ đảng. Bí thư toàn quốc là Bà Ma-ri Gioóc Buýp-phê.

- Đảng Xanh (Les Verts)

Đảng Xanh thành lập 1984, chủ trương "đoàn kết, có trách nhiệm đối với hành tinh và trách nhiệm công dân".

Ngoài ra còn có các đảng khác như : Phong trào Công dân (Mouvement des citoyens); Đảng Xã hội cấp tiến (Parti Radical Socialiste); Đảng Đấu tranh Công nhân (Lutte Ouvrière)...

#### 6.2.2. Các đảng phái cánh hữu:

- Đảng Liên minh vì phong trào nhân dân (UMP)

Đảng này thành lập tháng 10/2002, tập hợp các đảng RPR, UDF và cánh trung hữu của Lực lượng Dân chủ. UMP là đảng cầm quyền hiện nay tại Pháp.

Tổng thống Sarkozy tuy không giữ chức Chủ tịch đảng nhưng trên thực tế vẫn tiếp tục lãnh đạo UMP và có tiếng nói quyết định trong đảng. Ban Lãnh đạo của đảng gồm 2 Tổng Thư ký.

- Đảng cực hữu Mặt trận Quốc gia - Front National

Đảng này thành lập năm 1972. Đầu năm 1999, phân liệt thành 2 đảng Mặt trận Quốc gia và Mặt trận Quốc gia-Phong trào Quốc gia (Front National-Mouvement National). Tại cuộc bầu cử tổng thống 5/2002, Đảng này đã lợi dụng tâm lý chán nản của dân chúng trong một số vấn đề như nhập cư, thất nghiệp nên lần đầu tiên đã lọt được vào vòng II.

#### 6.2.3. Các Đảng trung dung:

- Đảng Phong trào Dân chủ (MoDem)

Đảng Phong trào Dân chủ do François Bayrou thành lập tháng 12/2007 và làm Chủ tịch trên cơ sở lực lượng UDF trung thành với ông (đảng UDF không còn tồn tại). MoDem hiện có khoảng 50-60 vạn đảng viên và chủ trương tham gia vào công cuộc cải tổ xã hội Pháp, sẽ ủng hộ hoặc phản đối những biện pháp của Chính phủ nếu thấy các biện pháp đó phù hợp hoặc không phù hợp với xã hội Pháp.

- Đảng Trung dung mới (NC)

Đảng Trung dung mới do các Nghị sĩ đảng UDF tái cử khác thành lập tháng 5/2007. Chủ tịch Đảng là ông André Santini. NC ủng hộ phe đa số của tổng thống Sarkozy nhưng vẫn muốn có sự độc lập về chính trị với đảng UMP.

### **6.3. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Pháp được chia thành 26 đại khu: 22 trong Pháp quốc bản thổ (21 ở bản thổ; 1 là "lãnh thổ tập thể" Corse, trên đảo Corsica, thường được gọi là một "đại khu" theo cách nói thông thường), và 4 đại khu hải ngoại. Các vùng được chia tiếp thành 100 hành tỉnh. Các hành tỉnh được đánh số (chủ yếu theo bảng chữ cái) và số này được dùng làm mã bưu chính cũng như mã trên bảng số xe.

Các hành tỉnh lại được chia tiếp thành 341 chuyên khu, nhưng các chuyên khu không có hội đồng lập pháp theo bầu cử và chỉ là đơn vị hành chính của đất nước. Các chuyên khu được chia thành 4.032 hương, các hương này cũng chỉ có ý nghĩa hành chính. Cuối cùng, các hương được chia thành 36.682 [[Công xã

(Pháp)|công xã], đây là các chính quyền tự quản với hội đồng được bầu cử riêng biệt (hội đồng tự quản).

Đại khu, hành tỉnh và công xã đều là "lãnh thổ tập thể", có nghĩa họ có một cơ quan hành pháp và lập pháp riêng biệt, trong khi các chuyên khu và hương chỉ đơn giản là các đơn vị hành chính. Tới tận năm 1940, các chuyên khu vẫn là các lãnh thổ tập thể với một cơ quan lập pháp bầu cử riêng biệt (hội đồng chuyên khu), nhưng dưới thời Vichy Pháp cơ quan này đã bị ngừng hoạt động và chính thức bị hủy bỏ bởi nền Đệ Tứ Cộng hòa Pháp năm 1946. Theo lịch sử, các hương cũng từng là các lãnh thổ chung với cơ quan lập pháp riêng biệt.

Bốn hành tỉnh hải ngoại (cũng tức là bốn đại khu hải ngoại) là một phần trong tổng thể nước Pháp (và Liên minh Châu Âu) và vì thế có quy chế tương tự như các hành tỉnh thuộc bản thổ.

Ngoài 26 đại khu và 100 hành tỉnh, Cộng hòa Pháp còn gồm sáu khu vực hải ngoại, một "thực thể địa phương có địa vị đặc thù"(New Caledonia), một lãnh địa hải ngoại và một hòn đảo ở Thái Bình Dương.

Các khu vực hải ngoại và lãnh địa hải ngoại là một phần hình thành nên Cộng hòa Pháp nhưng không hình thành nên Liên minh Châu Âu hay vùng tài chính của nó. Các lãnh thổ Thái Bình Dương tiếp tục sử dụng đồng franc Thái Bình Dương có giá trị ổn định với đồng euro. Trái lại, bốn đại khu (hành tỉnh) hải ngoại sử dụng đồng franc Pháp và hiện dùng đồng euro.

Pháp cũng vẫn giữ quyền kiểm soát một số hòn đảo nhỏ không thường xuyên có người ở tại Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương: Bassas da India, Đảo Clipperton, Đảo Europa, Quần đảo Glorioso, Đảo Juan de Nova, Đảo Tromelin. Xem Các hòn đảo thuộc quyền kiểm soát của Pháp tại Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

## **7. LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI-LEN**

### **7.1. Thể chế chính trị**

Trước khi trở thành một nước tư bản chủ nghĩa, Anh là cường quốc số một về kinh tế ở châu Âu. Chế độ cộng hòa tư sản được thành lập năm 1649. Năm 1660,

nền quân chủ lại được thành lập và duy trì cho đến năm 1688. Cuộc cách mạng vinh quang năm 1688 đã đưa Quốc trưởng Hà Lan lên ngôi Vua Anh. Chế độ quân chủ lập hiến được thành lập và duy trì đến ngày nay.

Năm 1215, Vua Giôn ký bản Đại hiến chương tự do gồm 63 điều khoản thỏa thuận giữa nhà Vua và nhân dân, qua đó hạn chế quyền lực của nhà Vua và hợp pháp hóa quyền lực của tầng lớp quý tộc. Năm 1265, Nghị viện đầu tiên của nước Anh được thành lập gồm các đại biểu là các quý tộc, tăng lữ, địa chủ thị dân và kỹ sư. Đến thế kỷ 14, Nghị viện chia làm 2 viện: Hạ viện gồm các địa chủ của kỹ sư và thị dân, và Thượng viện, viện của giới quý tộc và tăng lữ cao cấp. Quyền hạn của Nghị viện được mở rộng. Sau cuộc Cách mạng Anh năm 1642-1649, Nghị viện bãi bỏ chế độ quân chủ và Thượng viện. Chế độ cộng hòa được thành lập và duy trì chế độ độc tài của Cromwell. Nghị viện giải tán năm 1653, chế độ bảo hoàng thiết lập cùng với cơ quan lập pháp hai viện. Năm 1689, Uy-li-am lên ngôi, ký văn kiện Dự luật về các quyền. Dự luật đó bảo đảm quyền lực tối cao của Nghị viện. Từ đó, Anh là nước quân chủ lập hiến. Sang thế kỷ 19, vai trò của Chính phủ tăng dần lên, Nghị viện bị đẩy xuống hàng thứ hai.

Anh không có Hiến pháp thành văn. Hiến pháp là tổng thể các văn bản, các quy phạm pháp luật được hình thành theo tập tục, truyền thống, các án lệ của Tòa án tối cao có liên quan đến tổ chức quyền lực nhà nước, nhưng không được Nhà nước tuyên bố hoặc ghi nhận là một luật cơ bản. Đó là các văn bản lịch sử, truyền thống, thuế và các luật của Nghị viện là: Đại hiến chương tự do (1215), Đạo luật về quyền hành (1689), Tuyên ngôn nhân quyền, Đạo luật dung hòa quyền lực của nhà Vua và nhân dân (1701), Luật cải cách (1867), Luật nghị viện (1911, 1949). Ngoài ra, còn có nhiều đạo luật khác quy định điều kiện, thể thức bầu cử, quyền lực và nghĩa vụ của nhân dân, các công chức.

Anh là nước quân chủ nghị viện. Vua (Nữ hoàng) là nguyên thủ quốc gia, quyền hành pháp thuộc về Chính phủ và quyền lập pháp được trao cho Nghị viện.

## **7.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước**

Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len là nước quân chủ lập hiến, có hệ thống luật pháp theo mô hình Luật án lệ. Các thể chế chính trị chính bao gồm Nữ hoàng, Quốc hội, cơ quan Hành pháp.

### 7.2.1. Nữ hoàng

Nữ hoàng là Nguyên thủ quốc gia, đứng đầu Cơ quan Lập pháp và Hành pháp, Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang và là người đứng đầu Giáo hội Anh. Trên thực tế, quyền lực của Nữ hoàng chỉ có tính chất tượng trưng. Ngoài ra, Nữ hoàng là nguyên thủ quốc gia của 16/54 nước thuộc Khối thịnh vượng chung.

### 7.2.2. Nghị viện

Nghị viện bao gồm Nữ hoàng, Thượng viện và Hạ viện. Nghị viện có toàn quyền lập pháp, phê chuẩn các thứ thuế, thông qua ngân sách, có quyền quyết định chiến tranh và hòa bình, phê chuẩn các điều ước, giám sát bộ máy hành pháp ...

- Hạ viện

Hạ viện là cơ quan lập pháp gồm 650 nghị sỹ, được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm. Chức năng chính là thông qua các đạo luật, chủ trương, chính sách lớn về kinh tế, xã hội, chính trị đối nội và đối ngoại, giám sát hoạt động của chính phủ. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Đảng Bảo thủ và Công Đảng thay nhau chiếm đa số trong Hạ Viện. Tuy nhiên, sau bầu cử ngày 6/5/2010, lần đầu tiên trong 70 năm, Anh có chính phủ liên minh giữa Đảng Bảo thủ và Đảng Dân chủ Tự do. Đảng Bảo thủ chiếm 306 ghế, Công đảng chiếm 258 ghế và Đảng Dân chủ Tự do chiếm 57 ghế. Ngoài ra còn các đảng nhỏ khác như Đảng Dân chủ Hợp nhất, và các đảng mang tính chất địa phương như đảng Plaid Cymru ở Xứ Uên, đảng Quốc gia Scot ở Scotland, đảng Sinn Fein ở Bắc Ai-len... chiếm 28 ghế. Hạ viện thành lập các Ủy ban, gồm Ủy ban thường trực và Ủy ban lâm thời. Ủy ban thường trực chia thành Ủy ban toàn viện, Ủy ban chuyên môn và Ủy ban không chuyên môn.

- Thượng viện

Thượng viện còn gọi là Viện Nguyên lão, hiện có 618 nghị sỹ, nhiệm kỳ 5 năm, gồm các Thượng nghị sỹ cha truyền con nối có dòng dõi quý tộc và Hoàng gia, Thượng nghị sỹ là những chức sắc quan trọng của Giáo hội Anh, và những chính khách có công lao lớn với đất nước. Chính phủ Công đảng hiện đang tiến hành cải cách Thượng viện theo hướng xóa bỏ chế độ cha truyền con nối, thay vào đó là cử những người có công với đất nước được Nữ hoàng phong cấp. Kế hoạch cải tổ Thượng viện được thực thi trong những năm gần đây. Tuy nhiên, kế hoạch của Thủ tướng Tô-ny Ble nhằm dân chủ hóa cơ quan này (tất cả Thượng nghị sỹ được bầu bằng phổ thông đầu phiếu) chưa thực hiện được. Chủ tịch Thượng viện là



thành viên của Chính phủ do Nữ hoàng bổ nhiệm theo đề nghị của Thủ tướng, nhiệm kỳ 5 năm. Giúp việc cho Chủ tịch có 2 Phó Chủ tịch do Thượng viện bầu, nhiệm kỳ 1 năm. Thượng viện có 17 Ủy ban thường trực, thành viên của mỗi ủy ban được bổ nhiệm theo tỷ lệ số ghế của các đảng phái trong Nghị viện. Ngoài ra, còn thành lập “Ủy ban tay lái” để phối hợp hoạt động giữa các Ủy ban thường trực và các Ủy ban lâm thời.

Vai trò của Thượng viện rất hạn chế. Nó không còn khả năng cản trở việc thông qua luật của Hạ viện, mặc dù có thể trì hoãn trong vòng một năm (riêng Luật tài chính chỉ được trì hoãn trong vòng 1 tháng).

### 7.2.3. Chính phủ

Chính phủ gồm Thủ tướng và gần 80 Bộ trưởng, phần lớn là Hạ nghị sỹ, một số là Thượng nghị sỹ. Chính phủ mới được thành lập sau mỗi cuộc bầu cử.

- Thủ tướng

Thủ tướng do Nữ hoàng chọn nhưng thực tế là Lãnh tụ đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện. Theo đề nghị của Thủ tướng, Nữ hoàng bổ nhiệm các thành viên khác của Chính phủ, thông thường là các Nghị sỹ thuộc đảng cầm quyền. Thủ tướng có thể cách chức Bộ trưởng mà không cần tham vấn Hạ viện.

Thủ tướng trên danh nghĩa là cố vấn tối cao của Nữ hoàng, mọi hoạt động đều nhân danh Nữ hoàng. Nhưng thực chất, Thủ tướng xác định mọi đường lối, chính sách, chiến lược chung lãnh đạo của Chính phủ; quy định chương trình nghị sự của các cuộc họp của Chính phủ và Nội các; đệ trình Nữ hoàng phê chuẩn thành phần Nội các và các cơ cấu Chính phủ; quyết định bãi miễn các Bộ trưởng; giải tán Chính phủ; chỉ đạo hoạt động dự thảo pháp luật của Chính phủ; thay mặt Nữ hoàng triệu tập và giải tán Hạ viện; kiểm soát Nghị trình; tuyên bố tình trạng khẩn cấp; toàn quyền chỉ huy về quân sự; ký kết các hiệp ước với nước ngoài.

Nội các là cơ quan quyền lực cao nhất trong bộ máy hành pháp. Thành phần Nội các do Thủ tướng ấn định, thường gồm các Bộ trưởng quan trọng (kể cả Phó thủ tướng), khoảng 20-25 người. Nội các lãnh đạo chung bộ máy hành chính, phối hợp hoạt động với các bộ, xác định phương hướng cơ bản của Chính phủ, chuẩn bị các dự luật, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của mình. Trực thuộc Nội các có khoảng 20 Ủy ban thường trực. Các ủy ban này có nhiệm vụ dự thảo sơ bộ những vấn đề Nội các sẽ soạn thảo.

- Nội các

Nội các họp hàng tuần do Thủ tướng chủ trì, các Bộ trưởng khác (ngoài Nội các) có thể được mời tham dự các phiên họp Nội các thảo luận về các vấn đề liên quan. Các Bộ trưởng có nghĩa vụ phải thực hiện các quyết định của Nội các. Về danh nghĩa, Nội các chịu trách nhiệm tập thể trước Nghị viện và nhân dân.

Các Bộ trưởng ở Anh gồm Bộ trưởng lãnh đạo các bộ là Quốc vụ khanh, Bộ trưởng không bộ, Bộ trưởng nhà nước, Bộ trưởng thư ký.

#### 7.2.4. Hệ thống tư pháp

Tòa án cao nhất theo thông lệ là Thượng viện, chỉ xét xử kháng án của tất cả các Tòa án. Tham gia xét xử là các Thượng nghị sỹ do Nữ hoàng bổ nhiệm theo đề nghị của Thủ tướng. Quyết định của Thượng viện là chung thẩm.

Hệ thống tư pháp của Anh và xứ Uên có Tòa án trung ương là Tòa án tối cao (được thành lập từ năm 1873) gồm ba bộ phận: Tòa kháng án là Tòa phúc thẩm của Tòa nhà vua và Tòa tối cao; Tòa nhà vua là Tòa hình sự tối cao; Tòa tối cao là Tòa sơ thẩm xét xử các tranh chấp dân sự vượt khỏi thẩm quyền của Tòa án địa phương.

Xcôt-len có Tòa án cấp cao của quan tòa (hình sự) và Tòa tiểu hình (dân sự), cả hai đều bao gồm các Tòa phúc thẩm. Quyền phúc thẩm sau cùng là Thượng viện Anh.

Bắc Ai-len có Tòa án tư pháp tối cao gồm Tòa cấp cao (dân sự), Tòa nhà vua (hình sự), Tòa kháng án (phúc thẩm). Xử phúc thẩm cuối cùng là Thượng viện Anh.

Các xứ, vùng trên đều có các Tòa án địa phương. Tòa án khu vực có quyền xét xử cả hình sự và dân sự. Các Thẩm phán do Nữ hoàng bổ nhiệm theo đề nghị của Chính phủ. Tòa hòa giải – Tòa sơ thẩm – là cấp thấp nhất. Thẩm phán ở các Tòa này là những người hoạt động kiêm nhiệm. Ở thành phố, Tòa này do cảnh sát đảm nhiệm để xét xử các vụ án, tranh chấp nhỏ.

Trước đây, Anh không có Bộ Tư pháp. Hệ thống tư pháp hoạt động dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Thượng viện, là Chánh án Tòa án tối cao đồng thời là thành viên Chính phủ. Ngày 12/6/2003, Anh tiến hành cải tổ Nội các, trong đó có xóa bỏ chức Chánh án tại Thượng viện, chuyển giao trách nhiệm này cho Bộ Tư pháp mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập Văn phòng xứ Uên và Văn phòng Xcôt-len.

Anh không có hệ thống công tố, thay vào đó là hệ thống luật sư, đứng đầu là Tổng Chương lý, cố vấn pháp lý của Nữ hoàng và Chính phủ, có quyền buộc tội và khởi tố bất cứ vụ án hình sự nào.

### **7.3. Các đảng phái chính trị**

Ở Vương quốc Anh có ba chính đảng chính, gồm Công Đảng – hiện đang cầm quyền – Đảng Bảo thủ và Đảng Dân chủ Tự do. Một số đảng phái chính trị nhỏ khác cũng có đại diện trong nghị viện Vương quốc Anh và châu Âu, và trong các cơ quan chính quyền phân cấp ở Scotland, xứ Wales và Bắc Ireland.

### **7.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len gồm Anh, Scot-len, xứ Uên và vùng Bắc Ai-len.

Anh chia làm 387 đơn vị hành chính. Xcôt-len chia làm 32 đơn vị hành chính. Xứ Uên chia làm 22 đơn vị hành chính. Bắc Ai-len làm 26 đơn vị hành chính. Tổng cộng có 467 đơn vị hành chính.

Tất cả các đơn vị hành chính đều có tổ chức quản lý là Hội đồng quản hạt, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng hay Thị trưởng do dân trực tiếp bầu ra, nhiệm kỳ 4 năm. Hội đồng bầu ra bộ máy hành chính đứng đầu là Quản trị trưởng.

Mặc dù có 4 vùng quản lý, nhưng quyền lực các vùng địa phương ở Anh không được như các bang ở Mỹ. Scot-len, xứ Uên, Bắc Ai-len đều có Nội các của riêng mình. Năm 1979, các cuộc trưng cầu dân ý ở xứ Uên và Xcôt-len về việc thành lập Nghị viện dân cử ở các vùng này đã không được ủng hộ. Cuộc trưng cầu dân ý tiếp theo diễn ra vào tháng 6/1997, đa số dân hai vùng đã tán thành thành lập Nghị viện. Ngày 6/5/1999, bầu cử cơ quan lập pháp được tổ chức tại xứ Uên và Xcôt-len. Nghị viện Xcôt-len gồm 129 thành viên, có 73 thành viên được bầu từ các đơn vị bầu cử đơn lẻ, 56 thành viên khác đại diện cho 8 vùng. Nhiệm kỳ của Nghị viện Xcôt-len là 4 năm. Thư ký Nghị viện có một ghế trong Nội các. Quốc hội xứ Uên có 60 thành viên, trong đó có 40 thành viên được bầu từ các đơn vị bầu cử địa phương, số còn lại được bầu bởi hệ thống đại diện từ các khu vực bầu cử. Thư ký thứ nhất đứng đầu Quốc hội và tháng 02/2000 đã bỏ nhiệm vào Nội các. Tại Bắc Ai-len, Hội đồng vùng được bầu lại năm 1998 (sau khi bị giải tán vào năm 1972) có 108 đại biểu được bầu. Năm 1999, Chính phủ bán tự trị được thành lập. Do tình hình phức tạp ở khu vực này nên sự tự trị bị đình chỉ nhiều lần. Tháng 11/2003, Hội đồng vùng này được bầu lại.

## 8. CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

### 8.1. Thể chế chính trị

Năm 1871, Đế chế Đức thông qua Hiến pháp nước Đức gồm 22 nước quân chủ và một vài thành phố tự do, đứng đầu là Vua Phổ. Quốc hội gồm hai viện: Thượng viện có nhiều quyền trong khi Hạ viện có quyền bị hạn chế. Quyền lực tập trung trong tay Thủ tướng Bi-mác-sơ (đến năm 1890) sau đó là Hoàng đế Uy-li-am II. Sau đại chiến thế giới thứ I, Hòa ước Véc-xây được ký kết. Nước cộng hòa Vây-ma được thiết lập (1919) có Chính phủ dân chủ đầu tiên. Tổ chức nhà nước theo chế độ liên bang gồm 17 tiểu bang. Quyền lực tập trung trong tay Chính phủ trung ương. Quốc hội gồm hai viện. Hạ viện là cơ quan quyền lực chính, lán át Thượng viện. Tổng thống do dân bầu trực tiếp. Thủ tướng là người đứng đầu nội các, chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Chế độ này sụp đổ vào năm 1929. Năm 1933, Hit-le thiết lập chế độ phát xít. Tất cả các đảng phái bị cấm hoạt động. Sau Đại chiến thế giới thứ II, quân đồng minh kiểm soát Đức cho đến năm 1949 khi Đức bị chia cắt.

Từ năm 1949, Cộng hòa dân chủ Đức đi theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp được ban hành năm 1949. Tiếp theo là Hiến pháp năm 1974, 1989. Cơ cấu chính quyền có Viện Nhân dân (Quốc hội), Hội đồng nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Đoàn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ... Chủ tịch Hội đồng nhà nước là nguyên thủ quốc gia (trước năm 1960, Chủ tịch nước là nguyên thủ quốc gia). Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (được thành lập năm 1946 trên cơ sở thống nhất hai đảng) đứng đầu là Tổng Bí thư, lãnh đạo đất nước.

Cộng hòa liên bang Đức từ năm 1949 có chính thể cộng hòa nghị viện. Hiến pháp được công bố ngày 23/5/1949. Sau khi nước Đức thống nhất vào năm 1990, Hiến pháp năm 1949 của Tây Đức được áp dụng trên cả nước. Từ đó, nước Đức thống nhất có chính thể cộng hòa nghị viện và cơ cấu nhà nước liên bang gồm 16 bang (trong đó có 5 bang thuộc Đông Đức cũ).

### 8.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước

Hiến pháp Đức được gọi là "Luật cơ bản", công bố ngày 23/5/1949. Mở đầu của Hiến pháp nêu mục đích tôn trọng và bảo vệ phẩm giá con người và đảm

bảo cho từng cá thể phát huy tài năng của mình. Nhà nước xây dựng trên 5 nguyên tắc: Cộng hoà, Dân chủ, Liên bang, Pháp quyền và Nhà nước xã hội.

Nước Đức là một liên bang, điều đó có nghĩa là hệ thống chính trị của Đức được chia ra làm hai cấp: cấp liên bang, đại diện cho quốc gia về mặt đối ngoại, và cấp tiểu bang của từng bang một. Mỗi cấp đều có cơ quan nhà nước riêng của hành pháp, lập pháp và tư pháp. Hiến pháp Đức quy định quyền lập pháp trao cho Hạ viện (Nghị viện liên bang) và Thượng viện (Hội đồng liên bang). Quyền hành pháp thuộc về Chính phủ liên bang và chính quyền các bang. Quyền tư pháp trao cho các Tòa án hoạt động độc lập, cao nhất là Tòa án Hiến pháp liên bang và 5 Tòa án tối cao liên bang. Quốc hội Liên bang và Hội đồng Liên bang cùng quyết định về luật lệ của liên bang và có quyền sửa đổi Hiến pháp với đa số 2/3 trong cả hai cơ quan. Quốc hội tiểu bang quyết định về luật lệ cho từng tiểu bang.

Sáng kiến lập pháp thuộc về Chính phủ, 2 viện Quốc hội, các Nghị sỹ, các Tòa liên bang và các bang. Mỗi dự luật của Chính phủ trước hết phải trình Hội đồng liên bang và trong vòng 6 tuần (đối với trường hợp khẩn cấp là 3 tuần), Hội đồng liên bang phải cho ý kiến. Hết thời hạn trên, Chính phủ có thể trình Nghị viện liên bang mà không cần có ý kiến của Hội đồng liên bang. Sau khi Nghị viện liên bang thông qua, dự luật được chuyển sang Hội đồng liên bang. Nếu nghị viện liên bang không chấp nhận những sửa đổi của Hội đồng liên bang, dự luật vẫn trở thành luật nếu được 2/3 hoặc tối thiểu trên 1/2 tổng số thành viên Nghị viện liên bang tán thành. Mọi dự luật liên quan đến các bang bắt buộc phải được thông qua bởi Hội đồng liên bang.

### 8.2.1. Tổng thống liên bang

Nguyên thủ quốc gia là tổng thống liên bang với nhiệm vụ đại diện. Nhìn theo nghi thức thì sau tổng thống là Chủ tịch Quốc hội Liên bang, thủ tướng và Chủ tịch Hội đồng Liên bang mà căn cứ vào Hiến pháp là người đại diện cho tổng thống. Lãnh đạo chính phủ là thủ tướng liên bang, người có thẩm quyền quyết định đường lối chính trị của chính phủ liên bang. Thủ tướng do Nghị viện liên bang bầu ra. Tổng thống do Hội đồng liên bang và số đại cử tri bằng nhau của các bang bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng thống liên bang là nguyên thủ quốc gia, do Hội nghị liên bang bầu ra, có nhiệm kỳ 5 năm. Tổng thống nắm giữ không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp. Thành

phần của Hội nghị liên bang gồm  $\frac{1}{2}$  số thành viên là các Hạ nghị sỹ,  $\frac{1}{2}$  là các thành viên do Nghị viện các bang bầu ra. Tổng số thành viên của Hội nghị liên bang hiện nay là 1206 đại biểu. Tổng thống thay mặt nhà nước liên bang trong việc đối nội và đối ngoại, kiểm tra, ký và công bố các dự án luật; tuyên bố tình trạng khẩn cấp; đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ Thủ tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm các Bộ trưởng theo đề nghị của Thủ tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm các Bộ trưởng theo đề nghị của Thủ tướng; bổ nhiệm, miễn nhiệm các Thẩm phán liên bang, công chức liên bang trừ trường hợp pháp luật quy định khác đi; và Tổng thống có quyền ban lệnh ân xá. Tổng thống bổ nhiệm Thủ tướng nhưng phải dựa vào đa số của Nghị viện liên bang. Nếu ở Nghị viện liên bang, Thủ tướng không đạt được đa số phiếu khi bầu thì Tổng thống có quyền không bổ nhiệm Thủ tướng và giải tán Nghị viện liên bang để bầu lại. Các quyết định của Tổng thống chỉ có giá trị nếu có sự phê chuẩn của Thủ tướng hoặc các Bộ trưởng liên bang. Tổng thống có thể tuyên bố tình trạng khẩn cấp với đề nghị của Thủ tướng và chaaos nhận của Hội đồng liên bang (Thượng viện). Tổng thống phải từ bỏ đảng phái, không được tham gia các cơ quan nhà nước khi đang tại chức. Hai viện Quốc hội có quyền kiện Tổng thống ra Tòa án Hiến pháp liên bang và có quyền phế truất Tổng thống.

### 8.2.2. Quốc hội

Quốc hội Đức có Hội đồng liên bang (Bundesrat) và Nghị viện (Bundestag):

- Hội đồng Liên bang

Hội đồng Liên bang là cơ quan đại diện của 16 bang, không phải do tổng tuyển cử bầu ra mà do Chính phủ các bang cử với số lượng tỉ lệ thuận với dân số của từng bang. Những đạo luật quan trọng sau khi đã được Nghị viện thông qua phải được Hội đồng liên bang chuẩn y thì Tổng thống mới phê duyệt. Thủ tướng các bang thay nhau làm Chủ tịch Hội đồng liên bang với thời hạn 1 năm. Chủ tịch Hội đồng liên bang thực hiện các công việc của Tổng thống khi Tổng thống vắng mặt.

- Nghị viện

Nghị viện là đại diện của nhân dân, mỗi khoá kéo dài 4 năm. Hiến pháp quy định các đảng chỉ được vào Nghị viện khi đạt 5 % trở lên phiếu trong các cuộc tổng

tuyển cử. Hệ thống bầu cử của Đức rất phức tạp, cử tri phải bỏ 2 lá phiếu: bầu theo đảng và bầu theo từng cá nhân.

### 8.2.3. Chính phủ

Chính phủ hiện nay là Chính phủ liên minh giữa Đảng CDU và đảng SPD. Chính phủ liên bang nắm quyền điều hành, đứng đầu là Thủ tướng do Nghị viện liên bang bầu và Tổng thống bổ nhiệm. Các thành viên khác của Chính phủ do Tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Thủ tướng. Chính phủ có quyền đề nghị dự luật; yêu cầu các Ủy ban của Nghị viện liên bang họp để xem xét các dự luật; yêu cầu bổ sung hay giảm các khoản chi ngân sách; yêu cầu của Tổng thống tuyên bố các tình trạng pháp lý cần thiết đối với dự luật bị Nghị viện liên bang bác bỏ; với sự đồng ý của Nghị viện liên bang, Chính phủ có thể ban hành các chỉ thị hành chính, lập kế hoạch hành chính, lập kế hoạch ngân sách; giám sát việc thi hành pháp luật ở các bang, tổ chức các Tòa án liên bang ... Trong trường hợp nguy cấp, Chính phủ đề nghị hai viện Quốc hội họp khẩn cấp tuyên bố tình trạng chiến tranh, Thủ tướng sẽ là Tư lệnh các lực lượng vũ trang.

Thủ tướng có quyền quyết định những phương hướng cơ bản trong lĩnh vực chính trị và chịu trách nhiệm về các quyết định đó; điều hành hoạt động của Chính phủ; giám sát việc thực hiện phương hướng chính trị cơ bản; bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động của Chính phủ; lãnh đạo, chủ tọa các phiên họp của Chính phủ; đề nghị Tổng thống bổ nhiệm, cách chức các Bộ trưởng, cử một Bộ trưởng làm Phó Thủ tướng.

### 8.2.4. Hệ thống tư pháp

Tòa án Hiến pháp liên bang là thiết chế độc lập với Quốc hội và Chính phủ lập ra để bảo vệ Hiến pháp. Tòa án Hiến pháp có chức năng giải thích Hiến pháp, xét xử các tranh chấp giữa liên bang và các bang, giữa các bang với nhau; quyết định về tính hợp hiến của các đạo luật liên bang và các bang; tính vi hiến của các Đảng. Xét xử và khiếu kiện về bầu cử, quyền và nghĩa vụ của công dân, có thể giải tán một đảng nếu đảng đó đe dọa nền tự do, dân chủ. Tòa án Hiến pháp gồm 2 tòa: Tòa thượng thẩm và Tòa sơ thẩm. Mỗi tòa có 8 Thẩm phán, ½ do Nghị viện liên bang bầu, ½ do Hội đồng liên bang bầu. Nhiệm kỳ của các Thẩm phán là 12 năm.

Các Tòa án tối cao liên bang chia làm 5 Tòa án độc lập nhưng có hội đồng chung để đảm bảo sự thống nhất. Đó là Tòa án liên bang tối cao (xét xử hình sự, dân sự), Tòa án lao động liên bang, Tòa án hành chính liên bang, Tòa án xã hội liên bang. Các Thẩm phán của các Tòa án trên được bổ nhiệm bởi Bộ trưởng vô thẩm quyền về từng lĩnh vực và một ủy ban lựa chọn Thẩm phán do Nghị viện liên bang chọn.

Việc xét xử hình sự, dân sự dưới cấp Tòa án liên bang tối cao do các Tòa án cấp cao của bang, các Tòa án bang và Tòa án địa phương thực hiện. Cấp dưới Tòa án lao động liên bang là Tòa án lao động các bang và địa phương. Cấp dưới Tòa án hành chính liên bang là Tòa án hành chính các bang và địa phương. Cấp dưới Tòa án xã hội liên bang là các Tòa án xã hội bang và địa phương. Cấp dưới Tòa án tài chính liên bang là các Tòa án tài chính địa phương. Hơn 2/3 số Thẩm phán làm việc tại các Tòa án “chính ngạch” xét xử hình sự. Thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

### **8.3. Các đảng phái chính trị**

- Liên minh Dân chủ Cơ đốc Đức

Đảng liên minh này được thành lập năm 1945 như là đảng kế thừa không phân biệt tôn giáo của nhiều đảng mang tính tôn giáo và của giới trung lưu. Trong đảng chủ yếu là những lực lượng được thống nhất từ Đảng Trung tâm Đức. Đảng có khuynh hướng bảo thủ. Ngoài trừ bang Bayern, CDU hoạt động trên toàn nước Đức. Liên minh Xã hội Thiên chúa giáo có đường lối bảo thủ tương tự nhưng chỉ hoạt động tại Bayern. Hai đảng này cùng nhau tạo thành một phái chung trong Quốc hội Liên bang Đức, thường được gọi chung là "liên minh" hay "các đảng liên minh".

- Đảng Dân chủ Xã hội Đức

Đảng Dân chủ Xã hội Đức là đảng cánh tả, kể cả các tổ chức tiền thân, tồn tại từ năm 1863 và vì thế là đảng chính trị lâu đời nhất vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay của Đức. Đảng đã thành lập truyền thống của Phong trào Dân chủ Xã hội. Sau khi bị cấm trong thời gian của Chủ nghĩa Xã hội Quốc gia (phát xít), đảng được tái thành lập vào năm 1945. Từ Chương trình Godesberg năm 1959 đảng tự hiệu mình chính thức không còn chỉ là một đảng công nhân nữa mà là một đảng quần chúng, muốn được sự chọn lựa từ nhiều tầng lớp quần chúng rộng rãi. Niềm tin của đảng là "Tự do, Công bằng và Đoàn kết".



- Đảng Dân chủ Tự do

Đảng Dân chủ Tự do là đảng trung hữu được thành lập năm 1948 và trong tự nhận thức đã dựa trên truyền thống của phong trào chủ nghĩa tự do Đức, phong trào mà ngay từ năm 1861 đã thành lập Đảng Tiến bộ Đức tại vương quốc Phổ như là đảng chính trị đầu tiên của Đức trong ý nghĩa đảng phái được hiểu theo quan niệm ngày nay. Đảng Dân chủ Tự do ủng hộ việc từng cá nhân có tự do và trách nhiệm nhiều hơn nữa, đặc biệt là trong các vấn đề về kinh tế và về quyền công dân cũng như là việc nhà nước đặc biệt nên thận trọng nhiều hơn nữa trong những việc có liên quan đến kinh tế. Với tổng cộng 42 năm, FDP chính là đối tác liên minh nhỏ tham gia chính phủ lâu nhất của liên bang.

- Đảng Xanh

Đảng Xanh hình thành năm 1979-1980 trên toàn liên bang từ các phong trào xã hội mới thời bấy giờ, thí dụ như phong trào phụ nữ, phong trào hòa bình và phong trào sinh thái của những năm 1970. Năm 1983 đảng được bầu vào quốc hội liên bang lần đầu tiên. Năm 1990 đảng Xanh hòa nhập với phong trào nhân dân Đông Đức Liên minh 90 trở thành Liên minh 90 hay Đảng Xanh.

- Đảng Chủ nghĩa xã hội Dân chủ

Đảng Chủ nghĩa xã hội Dân chủ là đảng kế thừa của Đảng Xã hội chủ nghĩa Thống nhất Đức, là đảng độc quyền lãnh đạo của Cộng hòa Dân chủ Đức trước đây. Về nội dung, đảng dựa trên lý tưởng xã hội chủ nghĩa và trong các đảng phái đứng về phía cánh tả của SPD. Thắng lợi quan trọng trong bầu cử hiện nay được giới hạn trong miền Đông của nước Đức. Trong năm 2005, từ những chống đối chính sách cải tổ của chính phủ liên bang do SPD và đảng Xanh cầm quyền "Lựa chọn bầu cử Lao động và Công bằng Xã hội" (Wahlalternative Arbeit und Soziale Gerechtigkeit-WASG) được thành lập từ sáng kiến của công đoàn và những thành viên bị thất vọng của SPD. Trong cuộc bầu cử quốc hội liên bang năm 2005 PDS đã đưa thành viên của WASG vào danh sách ứng cử của đảng. Từ lý do này PDS hiện đã đổi tên thành Đảng Cánh tả (Đức). Cả hai đảng đang cố gắng hòa nhập thành một.

Những đảng cực hữu, ngoại trừ Đảng Đế quốc Đức trong Quốc hội Liên Bang lần thứ nhất (1949-1953), chưa từng có đại diện trong Quốc hội Liên bang Đức, nhưng có thời gian đã có thể vào các quốc hội tiểu bang. Các đảng này trải qua một thời kỳ nở rộ tương đối vào cuối thập niên 1960 và từ khi tái thống nhất. Những đảng thuộc khuynh hướng này là Người Cộng hòa, Liên minh Nhân dân Đức và Đảng Dân chủ Quốc gia Đức.

- Đảng Đế quốc Xã hội chủ nghĩa và Đảng Cộng sản Đức

Trong lịch sử của Cộng hòa Liên bang Đức đã có 2 lần cấm đảng phái đối với Đảng Đế quốc Xã hội chủ nghĩa cực hữu vào năm 1952 và Đảng Cộng sản Đức vào năm 1956. Việc cấm đảng NPD năm 2004 thất bại chủ yếu là do lỗi lầm trong kết hợp giữa cơ quan liên bang về bảo vệ hiến pháp và các cơ quan bảo vệ hiến pháp của các tiểu bang.

Gần như tất cả các đảng có nhiều ảnh hưởng đều có tổ chức thanh niên - ít nhiều độc lập - đứng bên cạnh.

#### **8.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Lãnh thổ Đức được chia làm 16 bang. Mỗi bang có một bộ máy nhà nước với chủ quyền riêng nhất định và có Hiến pháp riêng. Mỗi bang có cơ quan hành pháp, lập pháp, tư pháp riêng. Đứng đầu bang là Thủ hiến.

Đơn vị hành chính địa phương được Hiến pháp bang quy định. Dưới bang là huyện, tổng, thành phố không thuộc huyện; tiếp đó là cấp xã, công xã. Một số bang lớn còn chia ra vùng, huyện, công xã. Các cơ quan chính quyền địa phương đều do nhân dân bầu ra. Chủ tịch Hội đồng cũng chính là người đứng đầu bộ máy hành chính, do dân trực tiếp bầu ra. Riêng cấp vùng không có cơ quan chính quyền mà do Chính phủ bang đảm nhiệm. Thẩm quyền liên bang, bang và chính quyền địa phương được phân định rõ ràng.

## **9. LIÊN BANG NGA**

### **9.1. Thể chế chính trị**

Theo hiến pháp, được thông qua trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 12 tháng 12 năm 1993 sau cuộc khủng hoảng hiến pháp Nga năm 1993, Nga là một liên bang và theo chính thức là một nền cộng hoà bán tổng thống, theo đó Tổng thống là nguyên thủ quốc gia và Thủ tướng là lãnh đạo chính phủ. Nga được cơ cấu theo nền tảng một chế độ dân chủ đại diện. Quyền hành pháp thuộc chính phủ. Quyền lập pháp thuộc hai viện của Quốc hội Liên bang. Chính phủ được điều chỉnh bằng một hệ thống kiểm tra và cân bằng được định nghĩa trong Hiến pháp Liên bang Nga, là tài liệu pháp lý tối cao của đất nước và khế ước xã hội cho người dân Liên bang Nga.

Ngày 12/6/1990, Xô Viết tối cao liên bang Nga thông quan tuyển bỏ chủ quyền của quốc gia Nga. Trong suốt thời kỳ 1988 – 1992, Xô Viết tối cao (Quốc hội) nhiều lần thông qua các điều khoản sửa đổi Hiến pháp Nga, chế độ tổng thống và Tòa án Hiến pháp được thành lập. Hiến pháp mới được thông qua bởi trung cầu dân ý ngày 12/12/1993.

Theo Hiến pháp hiện nay, Nga là nước cộng hòa lưỡng tính, giống mô hình của Pháp nhưng quyền hạn của Tổng thống rất lớn, trội hơn quyền của Chính phủ và cơ quan lập pháp.

## **9.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước**

### **9.2.1. Tổng thống**

Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, nhiệm kỳ là 4 năm. Một người không thể giữ chức vụ Tổng thống quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Tổng thống phải là người Nga, từ 35 tuổi trở lên, sống liên tục ở Nga không dưới 10 năm. Tổng thống là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Tổng thống không nằm trong hệ thống phân chia quyền lực mà đứng trên tất cả các nhánh chính quyền. Nhưng chung, Tổng thống hoạt động độc lập với các cơ quan nhà nước khác chịu sự kiểm soát ít nhất từ phía các cơ quan này.

Hai cơ quan có vị trí quan trọng trong cơ cấu quyền lực của Tổng thống là Văn phòng Tổng thống và Hội đồng an ninh quốc gia. Hội đồng an ninh quốc gia gồm Chủ tịch (Tổng thống kiêm nhiệm), Thư ký, các thành viên thường trực (thường gồm Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng lực lượng vũ trang và các thành viên khác). Thư ký Hội đồng là một trong những nhân vật quan trọng nhất của bộ máy nhà nước.

### **9.2.2. Quốc hội**

Cơ quan lập pháp của Liên bang Nga gồm 2 viện: Đu-ma quốc gia (Hạ viện) và Hội đồng liên bang (Thượng viện).

- Đu-ma quốc gia

Đu-ma quốc gia lần đầu tiên xuất hiện năm 1906, tồn tại 12 năm đến khi cách mạng dân chủ tư sản nổ ra đầu năm 1917. Sau khi Đại hội đại biểu nhân dân và Xô Viết tối cao bị giải tán, Hiến pháp mới thiết lập lại Đu-ma quốc gia. Đu-ma quốc gia hiện nay gồm 450 đại biểu, với nhiệm kỳ 4 năm. Trong đó, 1/2 số đại biểu được bầu theo danh sách của các đảng phái, 1/2 số đại biểu được cử tri bầu trực tiếp

tại các khu vực bầu cử. Đu-ma có 27 Ủy ban chuyên môn, được thành lập trên nguyên tắc tỷ lệ số ghế của các đảng trong Đu-ma. Nhiệm vụ của các ủy ban là soạn thảo và xem xét các dự án luật; tổ chức và tiến hành các buổi thảo luận trong Đu-ma về các dự án này; góp phần đưa những điều khoản trong Hiến pháp và các đạo luật được thực hiện; giải quyết các vấn đề tổ chức hoạt động của các ủy ban. Ngoài ra, Đu-ma thành lập các tiểu ban hoạt động có thời hạn về các vấn đề thời sự cấp bách. Đu-ma có quyền thông qua các đạo luật liên bang; kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp; thông qua quyết định của Tổng thống về việc bổ nhiệm Thủ tướng Chính phủ; quyết định vấn đề tín nhiệm đối với Chính phủ; bổ nhiệm và bãi miễn chức Chủ tịch Viện Ngân khố và 1/2 thành viên viện này; bổ nhiệm và bãi miễn chức vụ phụ trách về nhân quyền; ra lệnh ân xá; đưa ra luận tội đối với Tổng thống để bãi miễn Tổng thống; xem xét và phê chuẩn các điều ước quốc tế ... Đu-ma cũng có thể đề nghị Tòa án Hiến pháp Nga xem xét các vấn đề liên quan đến luật pháp của Liên bang cũng như các chủ thể trong Liên bang.

Đu-ma có thể bị Tổng thống giải tán theo Điều 111 và 117 Hiến pháp. Hội đồng liên bang lần đầu tiên được bầu ngày 12/12/1993. Các thành viên trong hội đồng liên bang là các đại biểu do người đứng đầu cơ quan hành pháp và người đứng đầu cơ quan lập pháp của chủ thể liên bang bổ nhiệm (trước người đứng đầu cơ quan hành pháp, cơ quan lập pháp 89 chủ thể liên bang đương nhiên là thành viên Hội đồng liên bang). Thành phần Hội đồng liên bang thay đổi theo trình tự diễn ra bầu cử ở các chủ thể liên bang.

- Hội đồng liên bang

Hội đồng liên bang có thể thông qua hay không thông qua các bộ luật liên bang đã được thông qua tại Đu-ma, Hiến pháp liên bang, luật sửa đổi Hiến pháp. Các luật đã được thông qua tại Hội đồng liên bang sẽ được chuyển cho Tổng thống xem xét để phê chuẩn. Các bộ luật liên bang được thông qua bằng đa số phiếu, hoặc bằng cách gián tiếp: nếu trong vòng 14 ngày không được đưa ra Hội đồng liên bang xem xét thì được coi như là thông qua (trừ trường hợp nếu thông qua những bộ luật mà Hội đồng liên bang bắt buộc phải xem xét)... Hội đồng liên bang có thể tham gia bãi miễn Tổng thống bằng 3/4 số phiếu của tổng số thành viên trong Hội đồng liên bang; có quyền bổ nhiệm các Thẩm phán Tòa án Hiến pháp, Tòa án tối cao, Tòa án trọng tài tối cao; bổ nhiệm và bãi miễn Viện trưởng Viện Kiểm sát; bổ nhiệm 2 đại diện của Hội đồng liên bang tại Hội đồng Ngân hàng quốc gia Nga; bổ nhiệm và bãi miễn chức Phó viện trưởng Viện kiểm toán liên bang và 1/2 số thành viên của

Viện này, bổ nhiệm 5 trong số 15 thành viên của Ủy ban bầu cử liên bang Nga, v.v... Hội đồng liên bang phê chuẩn thay đổi biên giới giữa các chủ thể trong Liên bang; phê chuẩn thay đổi biên giới giữa các chủ thể trong Liên bang; phê chuẩn sắc lệnh của Tổng thống về việc tuyên bố tình trạng khẩn cấp; quyết định về khả năng sử dụng quân đội Nga ở nước ngoài; ấn định thời gian của cuộc bầu cử tổng thống.

Sáng kiến luật thuộc về Tổng thống, các thành viên 2 viện Quốc hội, Chính phủ, các chủ thể liên bang, Tòa án trung ương. Dự luật trình lên Đu-ma quốc gia xem xét thông qua. Nếu Đu-ma thông qua thì sẽ chuyển dự luật tới Hội đồng liên bang xem xét và phê chuẩn. Trong 14 ngày, Hội đồng liên bang phải xem xét dự luật. Nếu bất đồng giữa 2 viện, 2 viện sẽ lập Ủy ban hỗn hợp để bàn bạc, thỏa hiệp, sau đó Đu-ma xem xét lại. Nếu dự luật được thông qua với 2/3 tổng số chung các đại biểu Đu-ma trở lên, dự luật sẽ vẫn có hiệu lực. Trong vòng 5 ngày Hội đồng liên bang phải chuyển dự luật lên Tổng thống và Tổng thống trong vòng 14 ngày xem xét, ký và công bố. Nếu Tổng thống không ký thì Đu-ma và Hội đồng liên bang xem xét lại lần nữa đúng theo trình tự. Nếu 2 viện cùng qua lại với 2/3 số phiếu thì trong vòng 7 ngày Tổng thống phải ký, công bố. Riêng các dự luật Hiến pháp liên bang và sửa đổi Hiến pháp liên bang phải được 3/4 số phiếu của Hội đồng liên bang và 2/3 số phiếu của Đu-ma quốc gia thông qua.

### 9.2.3. Chính phủ liên bang

Chính phủ liên bang là cơ quan đứng đầu trong hệ thống các cơ quan hành pháp ở Nga. Chính phủ là cơ quan tập thể, gồm Chủ tịch Chính phủ (Thủ tướng), các Phó Thủ tướng (hiện nay chỉ có một), các Bộ trưởng. Ngoài ra còn có một số chức vụ lãnh đạo cơ quan nhà nước, tuy cũng có cơ chế như các thành viên Chính phủ như Giám đốc cơ quan an ninh liên bang, Chủ tịch Ủy ban tài sản quốc gia, các tổng cục, cục ... nhưng lại không bị giải tán khi Chính phủ giải tán.

Theo Điều 111 Hiến pháp, Thủ tướng do Tổng thống chỉ định với sự nhất trí của Đu-ma quốc gia. Trong trường hợp Đu-ma 3 lần không thông qua ứng cử viên do Tổng thống chỉ định, Tổng thống có quyền giải thể Đu-ma trong các trường hợp sau: bầu cử Tổng thống mới, tự từ chức; Tổng thống ra quyết định giải tán Chính phủ; Đu-ma biểu quyết không tín nhiệm Chính phủ và được tổng thống chấp nhận; Đu-ma không chấp nhận vấn đề tín nhiệm Chính phủ do Chính phủ đưa ra.

#### 9.2.4. Hệ thống tư pháp

Hệ thống cơ quan tư pháp Liên bang Nga gồm Tòa án Hiến pháp, Tòa án tối cao, Tòa án trọng tài tối cao, Viện kiểm sát tối cao. Các cơ quan tư pháp đều có hệ thống ở cấp trung ương và địa phương. Đồng thời, Hiến pháp cũng nghiêm cấm việc thành lập các Tòa án đặc biệt.

Tòa án Hiến pháp là cơ quan giám sát việc thực hiện Hiến pháp của tất cả các cơ quan, tổ chức trong cả nước. Tòa án Hiến pháp gồm 2 viện, có 19 Thẩm phán. Các Thẩm phán Tòa án Hiến pháp do Hội đồng liên bang bầu, nhiệm kỳ 12 năm. Khi có chỗ khuyết, Tổng thống đề cử ứng cử viên lên Hội đồng liên bang. Tòa án Hiến pháp theo yêu cầu của Tổng thống, Quốc hội hoặc 1/5 tổng số thành viên Hội đồng liên bang hoặc Đu-ma, Chính phủ liên bang, Tòa án tối cao, Tòa án trọng tài tối cao, các cơ quan lập pháp và hành pháp của các chủ thể liên bang xem xét, giải quyết các vụ việc sau theo Hiến pháp liên bang: Luật liên bang, các quyết định, chỉ thị của Tổng thống, Hội đồng liên bang, Đu-ma quốc gia, Chính phủ; Hiến pháp các nước cộng hòa v.vv; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giữa các cơ quan của Chính phủ liên bang, giữa các cơ quan của Chính phủ liên bang với các cơ quan của chủ thể liên bang; theo khiếu nại của công dân hay theo yêu cầu của Tòa án, kiểm tra tính hợp hiến của các bộ luật được áp dụng trong những trường hợp cụ thể; giải thích Hiến pháp liên bang; đưa ra những kết luận về việc luận tội Tổng thống liên bang về tội phản bội Tổ quốc hay có những hành vi phạm tội nghiêm trọng; đưa ra những sáng kiến có tính chất pháp luật về những vấn đề thực hiện Hiến pháp v.vv...

Tòa án tối cao gồm Chánh án, các Phó Chánh án, các Thẩm phán được Hội đồng liên bang bổ nhiệm theo sự giới thiệu của Tổng thống. Tòa án tối cao là cơ quan quyền lực cao nhất trong hệ thống Tòa án có thẩm quyền xét xử. Tòa án tối cao xét xử các vụ việc có tính chất dân sự, hình sự, hành chính. Tòa án tối cao theo dõi hoạt động của các Tòa án cấp dưới.

Tòa án trọng tài tối cao là Tòa án cao nhất giải quyết những vụ tranh chấp kinh tế giữa các pháp nhân và giữa các pháp nhân với cơ quan nhà nước; các vụ việc khác di các Tòa án trọng tài cấp dưới đưa lên. Đồng thời, chỉ đạo hoạt động thực tiễn và kiểm tra, giám sát hoạt động của các tòa án đó. Các Thẩm phán Tòa án trọng tài tối cao do Hội đồng liên bang bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng thống. Các Thẩm phán Tòa án tối cao, Tòa án trọng tài tối cao được giữ chức vụ suốt đời, trừ trường hợp đặc biệt.

Các Thẩm phán của Tòa án khác của Liên bang do Tổng thống bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát tối cao là cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong toàn liên bang. Đồng thời, đây là cơ quan kiểm sát, điều tra, công tố trong xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kiểm sát việc thi hành án, v.vv. Viện trưởng Viện Kiểm sát tối cao do Hội đồng liên bang bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Tổng thống.

### **9.3. Các đảng phái chính trị**

- Đảng Nước Nga thống nhất

Đảng nước Nga thống nhất là một đảng phái chính trị ở Liên bang Nga thường tự cho mình trung lập. Đây là đảng đứng phía sau thủ tướng Vladimir Putin và được xem như phương tiện chính trị của ông ở Duma quốc gia Nga (Hạ viện Nga). Đảng được thành lập vào năm 2001, sau sự sát nhập của Đảng Tổ quốc - Toàn Nga của Yurii Mikhailovich Luzhkov, Yevgeny Primakov và Mintimer Shaeymiev, và Đảng Thống nhất của Nga, đứng đầu là Sergei Shoigu và Alexander Karelin.

Nước Nga thống nhất là một đảng khá mới trong Nghị viện Nga nhưng đã chiếm được nhiều cảm tình trong những cuộc bỏ phiếu liên bang và địa phương gần đây nhờ vào sự yêu thích của người dân đối với ông Putin [cần dẫn nguồn].

Trong những cuộc bầu cử nghị viện năm 2003 nó giành được 37% số phiếu. Vào tháng 1 năm 2005, Đảng này giữ được 305 ghế trong 450 ghế, tạo thành đa số theo Hiến pháp. Những đảng viên của Đảng giành được 88/178 ghế đại biểu tại Hội đồng Liên bang Nga (Thượng viện Nga). Trong bầu cử tổng thống năm 2004 Nước Nga thống nhất ủng hộ Vladimir Putin và đã đóng góp vào chiến thắng của ông.

Một số Bộ trưởng trong Chính phủ của Putin cũng như nhiều Thị trưởng Khu vực và những công chức chính phủ cấp cao khắp nước Nga là đảng viên của đảng.

- Các đảng khác

Ngoài ra còn 1 số đảng khác như Đảng Cộng sản, Đảng Dân chủ tự do Nga, Đảng Nước Nga Tươi đẹp, Khối thống nhất toàn Nga, v.v.v

#### **9.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Liên bang Nga chia làm 89 khu vực lãnh thổ, hành chính là chủ thể của Liên bang, gồm 21 nước cộng hòa, 49 tỉnh, 06 vùng, 01 tỉnh tự trị, 10 khu tự trị, 02 thành phố trực thuộc Trung ương: Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua.

Ngoài ra, nước Nga được chia thành 7 khu hành chính do người được Tổng thống bổ nhiệm đứng đầu. Liên bang Nga gồm 7 đại khu, chia thành 89 khu vực lãnh thổ - hành chính (chủ thể) gồm 21 nước cộng hòa, 49 tỉnh, vùng, một tỉnh tự trị, 10 khu tự trị, 2 thành phố trực thuộc trung ương là Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua. Đua điện ở mỗi khu vực là Toàn quyền.

Theo cơ chế phân quyền, nhân dân các địa phương quyết định các vấn đề sở hữu, quyền sử dụng và phân chia sở hữu công cộng thông qua các hình thức trưng cầu dân ý, bầu cử và thông qua chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương độc lập điều hành công việc tự quản; thực hiện, phê chuẩn ngân sách địa phương; bảo vệ trật tự an toàn xã hội, cũng như các công việc khác của địa phương.

Các chủ thể liên bang chỉ có cơ quan lập pháp và hành pháp. Hệ thống tư pháp theo ngành dọc do trung ương chỉ định. Trước năm 1995, Tỉnh trưởng được bổ nhiệm, cơ quan lập pháp do dân bầu. Từ năm 1995, người đứng đầu cơ quan hành pháp, các chủ thể (Tổng thống, Tỉnh trưởng, Thống đốc, Thị trưởng ...) cũng do dân bầu. Theo đạo luật được thông qua tháng 12/2004, Tổng thống liên bang có quyền bổ nhiệm người đứng đầu các chủ thể liên bang (thay vì được bầu trực tiếp trước đây).

## **10. NIU DI-LÂN**

### **10.1. Thể chế chính trị**

Niu Di-lân là một quốc đảo ở Tây Nam Thái Bình Dương, có diện tích là 270.600 km<sup>2</sup> với 3,9 triệu dân. Từ năm 1840, Niu Di-lân là thuộc địa của Anh và Hiến pháp đầu tiên được ban hành vào năm 1853. Năm 1907, Nhà nước Niu Di-lân nhận được thể chế chính trị trong thành phần đế quốc Anh, năm 1931 được tự trị và năm 1947 chính thức độc lập.

Niu Di-lân theo chế độ quân chủ nghị viện. Người đứng đầu Nhà nước là Nữ hoàng Anh Ê-li-da-bét II. Toàn quyền do Nữ hoàng Anh cử theo đề nghị của Thủ tướng Niu Di-lân. Niu Di-lân không có Hiến pháp chính thức bằng văn bản.



Người đứng đầu cơ quan hành pháp là Thủ tướng, là thủ lĩnh đảng hoặc liên đảng chiếm đa số trong Nghị viện. Thủ tướng chỉ định các Bộ trưởng trong nội các.

## **10.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước**

### **10.2.1. Nguyên thủ quốc gia**

Nữ hoàng Anh là nguyên thủ quốc gia của Niu Di-lân, song chỉ mang tính hình thức. Quyền hành pháp trong tay Nữ hoàng Anh nhưng được trao cho Toàn quyền thi hành ở Niu Di-lân. Trên thực tế, Toàn quyền thực hiện quyền của mình theo sự tư vấn, chỉ dẫn của Hội đồng hành pháp. Toàn quyền kiêm Tổng Tư lệnh lực lượng vũ trang là người đứng đầu Hội đồng hành pháp về hình thức nhưng Thủ tướng, thường là lãnh tụ của Đảng hoặc Liên minh chiếm đa số ghế trong Quốc hội mới là người chỉ đạo trên thực tế. Toàn quyền bổ nhiệm Thủ tướng và theo sự tiến cử của Thủ tướng, bổ nhiệm các Bộ trưởng khác trong Hội đồng hành pháp.

### **10.2.2. Nghị viện**

Quyền lập pháp thuộc về nghị viện. Nghị viện Niu Di-lân chỉ có 01 viện là Viện Dân biểu. Nghị viện gồm 122 ghế, thường được bầu 3 năm một lần.

Trong cuộc bầu cử quốc hội khóa 49 vào ngày 8/11/2008, Đảng Dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Ông Giôn Ki đã giành thắng lợi, chấm dứt 9 năm cầm quyền liên tục của Bà Hê-len Clác và Công Đảng (từ 27/11/1999-11/2008). Ngày 19/11/2008, ông Giôn Ki và toàn bộ nội các mới đã tuyên thệ nhậm chức.

### **10.2.3. Chính phủ**

Nội các gồm Thủ tướng, Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng quan trọng. Có một số Bộ trưởng vòng ngoài không nằm trong cơ cấu Nội các.

### **10.2.4. Hệ thống tư pháp**

Hệ thống cơ quan tư pháp gồm Tòa thượng thẩm, Tòa cấp cao và các Tòa án cấp quận. Tất cả đều xét xử dân sự và hình sự. Ngoài ra còn có các Tòa án đặc biệt: Tòa việc làm, Tòa gia đình, Tòa vị thành niên và Tòa đất đai của người Mao-ri. Kháng án cuối cùng được gửi tới Ủy ban pháp luật của Hội đồng cơ mật Anh quốc.

Chánh án Tòa cấp cao là thành viên đương nhiên của Tòa thượng thẩm và Tòa cấp cao. Tòa thượng thẩm còn có 7 Thẩm phán khác (trong đó có Chánh án). Ngoài Chánh án, Tòa cấp cao còn có 30 Thẩm phán khác, tất cả các thành viên Tòa

án này đều được bổ nhiệm không thời hạn. Tổng Chương lý đồng thời là Bộ trưởng trong Chính phủ.

### **10.3. Các đảng phái chính trị**

Hiện nay, Niu Di-lân có khoảng 20 đảng phái

#### **10.3.1. Đảng lớn**

- Đảng Dân tộc

Đảng Dân tộc hiện là đảng chính trong liên minh cầm quyền, thành lập năm 1936 - bảo vệ quyền lợi cho tư bản lớn và điền chủ giàu có, thủ lĩnh hiện nay là ông John Phillip Key (Giôn Phi-líp Ky);

- Công Đảng

Công Đảng hiện là đảng đối lập, thành lập năm 1916 - đại diện cho các công đoàn, (sau thất bại trong cuộc bầu cử ngày 8/11/08, bà Hê-len Clác đã từ chức lãnh tụ Công đảng. Thủ lĩnh hiện nay là ông Phin Góp);

#### **10.3.2. Các đảng nhỏ khác**

Ngoài ra còn có một số đảng nhỏ khác như Đảng Tiến bộ, Đảng Niu Di-lân Trên hết (New Zealand First), Đảng Tương lai Đoàn kết, Đảng Xanh, Đảng Dân tộc... Liên minh cầm quyền bao gồm Đảng Dân tộc liên minh với các đảng Tương lai Đoàn kết, Maori và đảng ACT.

### **10.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Về mặt hành chính, Niu Di-lân được chia làm 74 đơn vị hành chính theo lãnh thổ (territorial authority), gồm 15 hội đồng thành phố, 58 hội đồng quận (district council) tại các vùng nông thôn, và 1 hội đồng địa hạt (county council) dành cho vùng Chatham Islands. Mỗi đơn vị hành chính do một thống đốc (mayor) đứng đầu.

Chính quyền địa phương được tổ chức ở các vùng thành thị (các thành phố, thị xã, thị trấn) và các vùng nông thôn (chia thành các hạt). Các vùng thành thị được quản lý bởi Hội đồng hạt và Hội đồng này chỉ định Chủ tịch hạt.

Niu Di-lân có 93 hạt, 9 khu vực, 3 thành phố là các đơn vị hành chính trực thuộc trung ương. Ngoài ra, còn có 3 lãnh thổ liên kết và phụ thuộc là Quần đảo Cúc, Đảo Niu-ơ và Tô-kê-lau.

## 11. Ôt-xơ-rây-li-a

### 11.1. Thể chế chính trị

Liên bang Ôt-xơ-rây-li-a là một nhà nước theo thể chế quân chủ lập hiến với Nữ hoàng Elizabeth II của Vương quốc Anh cũng là Nữ hoàng của Ôt-xơ-rây-li-a, một vai trò riêng biệt và tách rời khỏi địa vị là Elizabeth II của Vương quốc Anh, và được chấp nhận rộng rãi là nguyên thủ quốc gia, mặc dù không được quy định trong hiến pháp và pháp luật của Ôt-xơ-rây-li-a. Nữ hoàng được đại diện trên danh nghĩa bởi Toàn quyền, nhưng trên thực tế Toàn quyền thực hiện vai trò hiến định hầu như độc lập với Nữ hoàng. Theo Hiến pháp Ôt-xơ-rây-li-a vai trò của Nữ hoàng hầu như hoàn toàn trên nghi thức. Mặc dù hiến pháp về mặt lý thuyết trao quyền hành pháp rộng rãi cho Toàn quyền, các quyền lực này ít khi được dùng trực tiếp, và theo truyền thống, chỉ được sử dụng khi được nội các cố vấn. Nội các gồm các bộ trưởng cao cấp của chính quyền và được Toàn quyền chỉ định dựa trên cố vấn của Thủ tướng. Trường hợp đáng chú ý nhất khi Toàn quyền Ôt-xơ-rây-li-a sử dụng đến quyền lực dự trữ của mình ngoài sự chỉ đạo của Thủ tướng là việc giải tán chính phủ của Whitlam trong cuộc khủng hoảng Hiến pháp năm 1975.

### 11.2. Cơ cấu quyền lực nhà nước

Hệ thống lãnh đạo được đảm trách bởi 3 quyền lực liên hệ lẫn nhau là lập pháp (Quốc hội Liên bang), hành pháp (Hội đồng Hành pháp: Toàn quyền, Thủ tướng và các Bộ trưởng) và tư pháp (Toà án Tối cao Úc và các toà án liên bang).

Các nguyên tắc luật pháp cơ bản đã được thay đổi khi thông qua Đạo luật Úc 1986. Với đạo luật này, luật pháp Úc trở thành luật pháp mang tính quốc gia, loại bỏ quyền lực lý thuyết của Quốc hội Anh thi hành luật vi phạm Hiến pháp Úc; và Toà án Tối cao Úc được xác nhận là toà phúc thẩm cao nhất và duy nhất.

#### 11.2.1. Nữ hoàng

Theo quy định của Hiến pháp, tại Điều 61, Nữ hoàng Anh là nguyên thủ quốc gia của Ôt-xơ-rây-li-a có quyền hành pháp và có đại diện tại Ôt-xơ-rây-li-a là Toàn quyền. Tuy nhiên, trên thực tế Hội đồng Hành pháp liên bang, cơ quan tư vấn cho Toàn quyền, chịu trách nhiệm hành pháp.

### 11.2.2. Nghi viện liên bang

Quyền lập pháp được trao cho Nghị viện liên bang gồm Nữ hoàng Anh, Thượng viện và Hạ viện.

Úc có quốc hội liên bang lưỡng viện, gồm Thượng viện với 76 Thượng nghị sĩ và Hạ viện (Viện dân biểu) với 150 dân biểu (Hạ nghị sĩ). Bầu cử ở Úc là bầu cử bắt buộc (bị phạt tiền nếu không tham gia) và ưu tiên (cử tri đánh số ưu tiên chọn lựa trên các ứng viên). Dân biểu được bầu dựa trên số dân với mỗi đơn vị bầu cử (*division* hay *electorat*) chọn ra một dân biểu (một ghế). Tiểu bang càng đông dân thì càng có nhiều dân biểu vào Hạ viện và mỗi tiểu bang có tối thiểu 5 dân biểu. Trong Thượng viện, mỗi bang được 12 nghị sĩ và mỗi vùng lãnh thổ được 2 nghị sĩ đại diện bất kể dân số. Bầu cử cho hai viện này được tổ chức mỗi 3 năm, thường chỉ một nửa Thượng viện được bầu lại, vì Thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ 6 năm. Chính phủ được thành lập dựa trên Hạ viện và người lãnh đạo của đảng chiếm đa số ở Hạ viện sẽ trở thành Thủ tướng. Nhiệm kỳ của chính phủ cũng là 3 năm, như nhiệm kỳ của dân biểu. Tuy nhiên chính phủ có thể trình Toàn quyền để giải tán quốc hội trước nhiệm kỳ và bầu lại.

- Hạ viện

Hạ viện gồm 147 thành viên đại diện cho các khu vực cử tri riêng rẽ tại các tiểu bang và lãnh thổ, được bầu ra theo một hệ thống đầu phiếu trên cơ sở tỷ lệ đại diện. Nhiệm kỳ Hạ viện là 3 năm.

- Thượng viện

Thượng viện gồm 76 thành viên (mỗi tiểu bang có 12 thành viên, mỗi lãnh thổ có 2 thành viên) được bầu trực tiếp, nhiệm kỳ 6 năm (3 năm thay  $\frac{1}{2}$  số thành viên). Bầu cử ở Úc là bắt buộc. Mỗi viện có Chủ tịch điều hành đều là thành viên của một đảng chính trị nhất định, được các thành viên của mỗi viện bầu. Hạ viện và Thượng viện gần như ngang nhau về quyền lực. Toàn bộ quá trình lập pháp phải được thông qua ở cả hai viện. Tuy nhiên, chỉ có Hạ viện mới có quyền đề xuất dự án Luật sửa đổi dự toán ngân sách.

Nghị viện liên bang có các chức năng : lập pháp, quyết định bầu, bãi miễn Hội đồng hành pháp liên bang, thông qua các kế hoạch ngân sách, giám sát hoạt động của cơ quan hành pháp. Nghị viện có rất nhiều các ủy ban khác nhau chuyên phụ trách các lĩnh vực cụ thể trong đời sống kinh tế - chính trị - xã hội.

### 11.2.3. Hội đồng hành pháp

- Toàn quyền

Toàn quyền là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang, do Nữ hoàng Anh bổ nhiệm. Toàn quyền điều hành đất nước theo sự tư vấn của các Bộ trưởng, có quyền triệu tập, hoãn, giải tán Nghị viện, ký các dự luật được Nghị viện thông qua cũng như phủ quyết các dự luật đó. Toàn quyền có quyền bổ nhiệm và cách chức Thủ tướng, tuy nhiên thực tế không bổ nhiệm ai khác ngoài lãnh tụ đảng hoặc liên minh các đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện. Quyền hạn của Toàn quyền Ôt-xơ-rây-li-a chỉ là hình thức.

- Hội đồng liên bang

Không có một điều khoản nào trong Hiến pháp quy định, song trên thực tế, Hội đồng hành pháp liên bang được bổ nhiệm từ đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện. Các Bộ trưởng khác trong Hội đồng hành pháp cũng phải là thành viên Hạ viện, do Thủ tướng bổ nhiệm và có quyền cách chức. Hội đồng hành pháp liên bang chịu trách nhiệm trước Nghị viện liên bang.

Hội đồng hành pháp liên bang chia thành các bộ phận : Nội các, các Bộ vòng ngoài, các ủy ban của Nội các. Nội các là ủy ban của các nhà chính trị cao cấp, có trách nhiệm vạch ra các chính sách của Hội đồng hành pháp, là bộ phận trung tâm của quyền lực, hoạt động dựa trên nguyên tắc tập thể. Nội các được hình thành từ số các Nghị sỹ của đảng (liên minh các đảng) chiếm đa số trong Nghị viện. Thủ tướng, người điều hành Nội các, cũng là người điều khiển các phiên họp và chương trình nghị sự của Hội đồng hành pháp, có quyền bổ nhiệm, bãi miễn các Bộ trưởng, phân bổ nguồn ngân sách cho các bộ và quyết định cơ cấu Hội đồng hành pháp. Các Bộ trưởng cấp dưới (ngoài Nội các) là những người không nằm trong Nội các, chịu trách nhiệm quản lý những vấn đề cụ thể, không chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến chức năng của Hội đồng hành pháp. Ngoài ra, trong cơ cấu Hội đồng hành pháp còn có các ủy ban của Nội các.

### 11.2.4. Hệ thống tư pháp

Theo Điều 71 Hiến pháp, quyền tư pháp được trao cho Tòa án tối cao liên bang có tên gọi là Tòa thượng thẩm và các Tòa án liên bang khác do Nghị viện liên bang tại dựng và các Tòa án như vậy được trao quyền lực pháp lý liên bang.

Tòa Thượng thẩm gồm Chánh án và 6 Thẩm phán khác do Toàn quyền bổ nhiệm và Nghị viện bãi nhiệm trong trường hợp phạm tội hoặc thiếu năng lực. Tòa Thượng thẩm có quyền xét xử lần đầu và xử phúc thẩm (kể từ tháng 6/1984), xem xét kháng án chuyên từ Tòa án liên bang, Tòa gia đình và các Tòa án tối cao của các bang do luật định.

Từ tháng 3/1986, Ôt-xtrây-li-a thông qua một đạo luật trong đó bãi bỏ quy định chuyển các kháng án từ Tòa án Ôt-xtrây-li-a tới Hội đồng cơ mật Anh quốc. Các bang, vùng đều có hệ thống tòa án riêng.

### **11.3. Các đảng phái chính trị**

#### **11.3.1. Các đảng phái lớn**

- Đảng Lao động Ôt-xtrây-li-a

Đảng Lao động Úc (*tiếng Anh: Australian Labor Party*) là một đảng chính trị lớn của nước Ôt-xtrây-li-a. Thành lập năm 1891 xuất phát từ phong trào lao động Ôt-xtrây-li-a, Đảng Lao động là đảng kỳ cựu nhất trong chính trường liên bang Ôt-xtrây-li-a, liên tục tranh cử cho các ghế của Quốc hội Ôt-xtrây-li-a từ cuộc bầu cử đầu tiên sau ngày thành lập Liên bang Ôt-xtrây-li-a năm 1901. Trong cuộc bầu cử Liên bang Ôt-xtrây-li-a ngày 24 tháng 11 năm 2007, chính quyền liên bang về tay Đảng Lao động. Ở cấp tiểu bang, các thủ hiến tiểu bang cũng đều thuộc Đảng Lao động. Đảng Tự do là đảng đối lập. Chủ tịch đảng này liên tiếp giữ chức vụ Thủ tướng từ năm 2007 cho đến nay, trong đó ông Kevin Rudd là chủ tịch đảng nhiệm kỳ 2006-2010 và là Thủ tướng từ 2007-2010, và ông Julia Gillard, chủ tịch đảng từ năm 2010 cho đến nay và là Thủ tướng từ 2010 cho đến nay.

- Đảng Tự do Ôt-xtrây-li-a

Đảng Tự do Ôt-xtrây-li-a (*tiếng Anh: Liberal Party of Australia*) là một đảng phái chính trị lớn của nước Ôt-xtrây-li-a. Đảng Tự do thành lập sau cuộc bầu cử liên bang năm 1943, thay thế Đảng Thống nhất Ôt-xtrây-li-a đứng vào thế đối lập với Đảng Lao động Ôt-xtrây-li-a trong các cuộc tranh cử chính quyền. Đảng Tự do phối hợp cùng Đảng Quốc gia Úc tạo khối Liên đảng Ôt-xtrây-li-a. Liên đảng hiện nay là khối đối lập của chính quyền mọi cấp, từ liên bang đến tiểu bang.

Sau khi thất cử nặng nề ngày 24 tháng 11 năm 2007, John Howard từ chức lãnh tụ Đảng Tự do. Nhiều đại biểu của đảng này cũng bị thất nhiệm. Cựu phó lãnh tụ là Peter Costello quyết định rút tên, không lên thế chức lãnh tụ. Malcolm Turnbull và Brendan Nelson tranh giành chức vụ này vào ngày 29 tháng 11. Brendan Nelson được đề cử làm lãnh tụ mới với 45 phiếu (Malcolm Turnbull 42 phiếu). Đảng Tự do lâm vào tình thế khủng hoảng sau đại bại trong cuộc bầu cử Liên bang Úc năm 2007. Brendan Nelson ra sức củng cố hàng ngũ của Đảng nhưng dần dần mất tín nhiệm. Ngày 16 tháng 9 năm 2008, Malcolm Turnbull lên thay Brendan Nelson làm lãnh tụ Đảng Tự Do. Hiện tại, vị trí này do Tony Abbott nắm giữ kể từ năm 2010 cho đến nay.

#### 11.3.2. Các đảng phái khác

- Đảng quốc gia
- Đảng Xanh Úc
- Đảng dân chủ Úc
- Đảng Một quốc gia

Ôt-xơ-rây-li-a có nhiều đảng chính trị nhỏ lẻ tồn tại rải rác trên toàn bộ lãnh thổ, từ các nhóm tôn giáo bảo thủ đến các tổ chức phi chính phủ ngoài rìa.

### **11.4. Phân chia lãnh thổ và chính quyền địa phương**

Ôt-xơ-rây-li-a là Nhà nước liên bang. Lãnh thổ chia làm 6 bang và 2 vùng lãnh thổ thuộc Liên bang. Hiến pháp Ôt-xơ-rây-li-a phân định trách nhiệm của chính quyền liên bang và chính quyền các tiểu bang. Điều 51 trong Hiến pháp quy định những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của Chính phủ liên bang như : đánh thuế, quốc phòng, quan hệ đối ngoại, tài chính, bưu điện, các dịch vụ xã hội, luật gia đình, vấn đề nhập cư, giải quyết tranh chấp giữa các bang.

Đứng đầu chính quyền mỗi tiểu bang là Thống đốc (Thủ hiến), đại diện cho Nữ hoàng Anh. Đứng đầu Nội các mỗi bang là Thủ tướng. Bang Niu Xao-uên có Hội đồng hành pháp gồm các Bộ trưởng có chức năng giúp Thống đốc. Cơ quan lập pháp gồm Hội đồng lập pháp 42 thành viên và Quốc hội lập pháp 99 thành viên cùng có nhiệm kỳ 4 năm. Bang Vic-to-ri-a, Hội đồng lập pháp có 44 thành viên, Quốc hội lập pháp có 88 thành viên. Tại bang Quyn-xlen, Nghị viện gồm Hội đồng lập pháp 89 thành viên và Thống đốc. Hội đồng lập pháp bang Tây Ôt-xơ-rây-li-a

có 34 thành viên, Quốc hội lập pháp có 57 thành viên. Hội đồng lập pháp bang Nam Ôt-xơ-rây-li-a có 15 thành viên nhiệm kỳ 6 năm và Quốc hội 25 thành viên với nhiệm kỳ 4 năm.

Vùng Bắc Ôt-xơ-rây-li-a có chính quyền tự trị từ năm 1978, có Người Quản lý (do Toàn quyền bổ nhiệm) thi hành quyền lực với sự tư vấn của Hội đồng hành pháp đứng đầu là Tổng trưởng. Hội đồng lập pháp vùng gồm 25 thành viên được bầu bởi phổ thông đầu phiếu. Lãnh thổ thủ đô (ACT) trước kia do Chính phủ liên bang cai quản, nhưng từ năm 1988 đã trở thành một khu vực tự trị theo một luật mới, một số lĩnh vực do chính quyền liên quan quản lý. Cơ quan lập pháp của ACT gồm 17 thành viên, bầu ra Tổng trưởng. Nội các gồm Tổng trưởng và 3 Bộ trưởng khác.

Sáu tiểu bang của Ôt-xơ-rây-li-a gồm 850 khu vực hành chính dưới quyền kiểm soát của Hội đồng dân cư và được điều hành theo luật pháp của các tiểu bang.

Các lãnh thổ phụ thuộc bao gồm đảo Nooc-phôn, đảo Crits-xmát, quần đảo Cô-cốt, các đảo Át-xơ và Ca-ti-ơ, quần đảo biển san hô, các đảo Hê-át và Mắc-đô-nam. Các đảo lớn có dân sinh sống có cơ quan tư pháp và tòa án, các đảo khác thường không có dân sinh sống và do Bộ trưởng quản lý . /.



## CÁC NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (i) Cổng thông tin các chính phủ

<http://chinhphu.vn/cttdtcp/vi/nuocchxhcnvn/quanhengoai giao>

<http://www.gov.ie/>

<http://www.oireachtas.ie/parliament/>

<http://www.ireland-information.com/reference/congov.htm>

<http://www.state.gov>

- (ii) Các trang thông tin mạng khác

<http://www.vcci.com.vn>

<http://www.vn.sinoviet.com/chinatoday/cnorg/cnorg.asp>

<http://australianpolitics.com/political-parties>

[http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=958845](http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=958845)

- (iii) Từ điển mã nguồn mở

<http://vi.wikipedia.org/wiki/>

[http://en.wikipedia.org/wiki/List\\_of\\_political\\_parties\\_in\\_the\\_Republic\\_of\\_Ireland](http://en.wikipedia.org/wiki/List_of_political_parties_in_the_Republic_of_Ireland)

[http://en.wikipedia.org/wiki/Politics\\_of\\_Thailand](http://en.wikipedia.org/wiki/Politics_of_Thailand)